

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36 /KH-HĐPHPBGDPL

Bình Phước, ngày 19 tháng 02 năm 2019

KẾ HOẠCH

**Hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật
tỉnh Bình Phước năm 2019**

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật; Quyết định số 42/2017/QĐ-TTg ngày 20/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg; Quyết định số 823/QĐ-HĐPH ngày 17/4/2018 của Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh và các Chương trình, Đề án, Kế hoạch của Trung ương và của UBND tỉnh đã được phê duyệt về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật,

Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2019, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Hội đồng) theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013, Quyết định số 42/2017/QĐ-TTg ngày 20/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định kiện toàn Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Bình Phước, Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Bình Phước.

- Nâng cao vị trí, vai trò của Hội đồng trong tư vấn cho UBND tỉnh chỉ đạo, ban hành và thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2019, bảo đảm công tác PBGDPL năm 2019 được tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan thành viên Hội đồng và từng thành viên của Hội đồng trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng và công tác PBGDPL.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng; bám sát nội dung, yêu cầu về công tác PBGDPL được xác định trong Luật PBGDPL, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, các văn bản có liên quan và chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quy định tại Quyết định số 27/2013/QĐ-

TTg, Quyết định số 42/2017/QĐ-TTg gắn công tác PBGDPL với việc thực hiện các nhiệm vụ khác của tỉnh trong năm 2019.

- Phát huy vai trò của Sở Tư pháp – Cơ quan Thường trực Hội đồng trong công tác tham mưu, tư vấn, nâng cao hiệu quả phối hợp của Hội đồng; đồng thời đề cao trách nhiệm của các thành viên Hội đồng trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

1. Ban hành Kế hoạch hoạt động của Hội đồng PBGDPL năm 2019, tổ chức họp hoặc lấy ý kiến

a) Xây dựng, ban hành Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động của Hội đồng năm 2019

- Hình thức thực hiện: Cho ý kiến bằng văn bản.
- Chủ trì thực hiện: Chủ tịch Hội đồng.
- Tham mưu thực hiện: Cơ quan Thường trực Hội đồng.
- Phối hợp thực hiện: Các Ủy viên Hội đồng.
- Thời gian thực hiện:
- + Ban hành Kế hoạch: Quý I/2019.
- + Tổ chức triển khai thực hiện: cả năm.

b) Tổ chức họp hoặc lấy ý kiến Hội đồng để triển khai, thực hiện các hoạt động của Hội đồng nhằm đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác PBGDPL.

- Hình thức thực hiện: Tổ chức họp hoặc lấy ý kiến về các dự thảo báo cáo, kế hoạch và các văn bản khác bằng các hình thức phù hợp.
- Chủ trì thực hiện: Chủ tịch Hội đồng; các Ủy viên Hội đồng được phân công chuẩn bị các ý kiến đề xuất, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành, cho các nhóm đối tượng cụ thể.
- Phối hợp thực hiện: Các Ủy viên Hội đồng và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: dự kiến tháng 6/2019 và tháng 12/2019 hoặc đột xuất theo yêu cầu.

2. Tư vấn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh

a) Tư vấn xác định nội dung chủ đề, định hướng nội dung pháp luật trọng tâm cần phổ biến, tập trung vào nội dung sau đây:

- Tiếp tục phổ biến nội dung, chính sách mới tại các Luật, pháp lệnh mới ban hành hoặc có hiệu lực năm 2018 và năm 2019; các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, trọng tâm là các lĩnh vực: cải cách hành chính; tổ chức bộ máy nhà nước; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; khiếu nại, tố cáo;

các chính sách cho các đối tượng đặc thù; chính sách lao động, việc làm; phòng chống tệ nạn xã hội, bình đẳng giới, bạo lực gia đình; chính sách an sinh xã hội; chính sách giảm nghèo bền vững; các văn bản pháp luật thuộc phạm vi quản lý (theo Chương trình PBGDPL năm 2019), các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội.

- Tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng chủ trương, quan điểm, chính sách trong các dự thảo văn bản luật theo chỉ đạo của Trung ương;

- Thông tin về hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật hoặc lệch chuẩn xã hội.

- Giáo dục ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật gắn với giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, ý thức tuân thủ kỷ cương, kỷ luật công vụ; xây dựng, bồi dưỡng, nhân rộng, khen thưởng, tôn vinh gương người tốt, việc tốt, điển hình trong xây dựng, thi hành và bảo vệ pháp luật.

+ Hình thức thực hiện: Ban hành văn bản hướng dẫn; tổ chức kiểm tra; yêu cầu báo cáo, thống kê.

+ Chủ trì thực hiện: Các Ủy viên Hội đồng phù hợp với phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý.

+ Phối hợp thực hiện: Các thành viên Hội đồng có liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Năm 2019 và từ yêu cầu thực tiễn.

b) Tư vấn củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn lực thực hiện công tác PBGDPL

- Rà soát, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng cấp tỉnh; tăng cường sự phối hợp giữa các Ủy viên Hội đồng, Hội đồng cấp tỉnh và cấp huyện với các sở, ngành có liên quan.

+ Hình thức thực hiện: Ban hành văn bản

+ Tham mưu thực hiện: Cơ quan Thường trực Hội đồng.

+ Phối hợp thực hiện: Các Ủy viên Hội đồng và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Quý I/2019.

- Rà soát, kiện toàn đội ngũ Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh

+ Hình thức thực hiện: Ban hành văn bản

+ Tham mưu thực hiện: Cơ quan Thường trực Hội đồng.

+ Phối hợp thực hiện: Các Ủy viên Hội đồng và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

+ Thời gian thực hiện: Quý I/2019.

c) Tư vấn tổ chức triển khai thực hiện “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 2019

Định hướng chủ đề, nội dung, hình thức, cách thức tổ chức các hoạt động thực hiện “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 2019 trên địa bàn tỉnh; đồng thời, thường xuyên đôn đốc việc triển khai thực hiện “Ngày pháp luật” được tổ chức hàng tháng theo Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Hình thức thực hiện: Ban hành văn bản hướng dẫn.
- Chủ trì thực hiện: Cơ quan Thường trực Hội đồng.
- Phối hợp thực hiện: Các Ủy viên Hội đồng.
- Thời gian thực hiện: Quý III, IV/2019 (sau khi Trung ương có hướng dẫn cụ thể về “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” năm 2019).

d) Tư vấn hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức đánh giá, chấm điểm hiệu quả thực hiện công tác PBGDPL theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL

- Hình thức thực hiện: Thông qua cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành văn bản.
- Chủ trì thực hiện: Cơ quan Thường trực Hội đồng.
- Phối hợp thực hiện: Các Ủy viên Hội đồng và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Quý I, II/2019.

đ) Tư vấn, hướng dẫn, phát huy vai trò của các thành viên Hội đồng trong triển khai các nhiệm vụ PBGDPL trong nhà trường và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trọng tâm vào đổi mới nội dung, hình thức giảng dạy, học tập môn học pháp luật và giáo dục công dân theo hướng tiên tiến, hiện đại, phù hợp

- Hình thức thực hiện: Thông qua cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo.

- Chủ trì thực hiện: Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo - Ủy viên Hội đồng chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện tại các nhà trường trong hệ thống giáo dục trên địa bàn tỉnh; Lãnh đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội - Ủy viên Hội đồng chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Phối hợp thực hiện: Các Ủy viên Hội đồng.
- Thời gian thực hiện: Cả năm 2019.

e) Tư vấn, hướng dẫn thực hiện chính sách xã hội hóa hoạt động PBGDPL

- Hình thức thực hiện: Thông qua cuộc họp hoặc cho ý kiến bằng văn bản.
- Chủ trì thực hiện: Lãnh đạo Hội Luật gia - Ủy viên Hội đồng.
- Phối hợp thực hiện: Các Ủy viên Hội đồng.

- Thời gian thực hiện: Cả năm 2019.

3. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL về công tác PBGDPL; kiểm tra, đánh giá thực trạng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện nhiệm vụ

- Hình thức thực hiện: Tổ chức kiểm tra hoặc ban hành văn bản.

- Chủ trì thực hiện: Các Ủy viên Hội đồng.

- Thời gian thực hiện: Cả năm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp – Thường trực Hội đồng làm đầu mối giúp cho Hội đồng trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này; tư vấn UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn chung công tác PBGDPL; bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác PBGDPL; củng cố, kiện toàn, quản lý gắn với sử dụng để phát huy vai trò của đội ngũ Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; chú trọng phổ biến pháp luật về lĩnh vực phụ trách.

2. Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng chủ đề, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội trên các phương tiện truyền thông đại chúng, cơ quan báo chí qua các chuyên trang, chuyên mục, chương trình, ấn phẩm, bài viết về PBGDPL; triển khai công tác PBGDPL trong lĩnh vực thông tin và truyền thông...

3. Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo công tác PBGDPL trong nhà trường của hệ thống giáo dục quốc dân, trong ngành giáo dục; chỉ đạo, hướng dẫn đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, chương trình, nội dung PBGDPL và triển khai thực hiện tốt công tác PBGDPL trong nhà trường; rà soát, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên, giảng viên giảng dạy môn pháp luật, giáo dục công dân; biên soạn, phát hành các tài liệu tham khảo phục vụ việc dạy và học pháp luật trong nhà trường; triển khai các hoạt động PBGDPL ngoại khóa.

4. Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, chỉ đạo, hướng dẫn PBGDPL trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cho các nhóm đối tượng đặc thù, trọng tâm là phổ biến về chính sách pháp luật đối với người có công; người cao tuổi; người khuyết tật; trẻ em; chính sách lao động, việc làm; phòng, chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; chính sách an sinh xã hội; chính sách giảm nghèo bền vững...

5. Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo UBMTTQVN tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác PBGDPL trong các tổ chức là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; huy động các tổ chức đoàn thể xã hội tham gia PBGDPL, vận động nhân dân tuân thủ, chấp hành pháp luật.

6. Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Công an tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện lồng ghép công tác PBGDPL qua công tác

điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, hòa giải trong tố tụng nhằm góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối, chính sách của Đảng, sự nghiêm minh của pháp luật.

7. Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài chính tư vấn giải pháp tháo gỡ khó khăn về kinh phí cho công tác PBGDPL và bảo đảm triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án về PBGDPL.

8. Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo Sở, ngành, đoàn thể được giao chủ trì thực hiện Đề án, Chương trình về PBGDPL hoặc PBGDPL cho đối tượng đặc thù theo Luật PBGDPL (Biên phòng; Công an; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Dân tộc; Liên đoàn lao động tỉnh; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân, Tỉnh đoàn, Hội Luật gia...) chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác PBGDPL trong lĩnh vực quản lý, chủ trì triển khai thực hiện; chú trọng triển khai công tác PBGDPL cho đối tượng đặc thù phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

9. Ủy viên Hội đồng tham mưu Thủ trưởng Sở, ban, ngành, đoàn thể chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác PBGDPL trong ngành, lĩnh vực được giao quản lý theo Chương trình, Kế hoạch PBGDPL; tăng cường phối hợp với các thành viên Hội đồng trong PBGDPL cho công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên của cơ quan, tổ chức mình; thực hiện đầy đủ trách nhiệm thành viên của Hội đồng theo Quyết định số 824/QĐ-HĐPH ngày 17/4/2018 của Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện các hoạt động tại Kế hoạch này được bố trí trong nguồn kinh phí thực hiện công tác PBGDPL của cơ quan Thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh và kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan, đơn vị.

Trên cơ sở Kế hoạch này, đề nghị các Ủy viên Hội đồng; Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc ngành, lĩnh vực quản lý tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm có hiệu quả; định kỳ 06 tháng (*trước ngày 25/5*), hằng năm (*trước ngày 10/11*) báo cáo kết quả về Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh (qua Sở Tư pháp) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tư pháp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam – Bộ Tư pháp;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên HĐPHPBGDPL tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNC. DN02(12/02)

TM. HỘI ĐỒNG PHPBGDPL TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trăm

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 116 /STTTT-PTIT

V/v góp ý dự thảo Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Bình Phước, ngày 20 tháng 02 năm 2019

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH PHƯỚC	
ĐẾN	Số...509
	Ngày 21/02/2019
Chuyển	Kính chuyển
PGD	Le Tấn Hào chủ trì
Lưu hồ sơ số.....	

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi nhận, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

Thực hiện Công văn số 197/UBND-KGVX ngày 23/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ,

Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự thảo Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đề nghị các cơ quan, đơn vị góp ý cho dự thảo Quyết định và Quy chế, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông số 774, QL14, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước trước ngày 26/02/2019 để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh. Nếu quá thời gian trên đơn vị nào không có ý kiến góp ý thì xem như đồng ý với dự thảo.

(Kèm theo dự thảo Quyết định và Quy chế).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Nguyễn Minh Bình

Số: /2019/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007; Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi nhận, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số /TTr-STTTT ngày tháng năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019 và thay thế Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2012

của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy định gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TTTT;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT.HĐND tỉnh
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các hội, đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 3;
- LDVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

QUY CHẾ

Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về hoạt động tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước; công tác quản lý, khai thác và sử dụng văn bản điện tử; quản lý, duy trì phần mềm quản lý văn bản; các điều kiện đảm bảo cho hoạt động gửi, nhận văn bản điện tử.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc gửi, nhận, quản lý, lưu trữ văn bản điện tử có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động gửi, nhận văn bản điện tử trên môi trường mạng của các cơ quan Nhà nước (sau đây gọi tắt là các cơ quan) trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu, theo thể thức, định dạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, được tạo lập hoặc số hóa từ văn bản giấy.

2. Gửi, nhận văn bản điện tử là việc các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước gửi, nhận văn bản điện tử qua các hệ thống quản lý văn bản và điều hành được kết nối, liên thông với nhau bằng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ trên môi trường mạng.

3. Trục liên thông nội tỉnh là trục kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản, được triển khai từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tới các điểm kết nối tại các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

4. Bên gửi là các cơ quan tạo ra và phát hành văn bản điện tử.

5. Bên nhận là các cơ quan nhận văn bản điện tử theo nơi nhận của bên gửi.

6. Văn bản điện tử đi (sau đây gọi tắt là văn bản đi) là tất cả các loại văn bản, hồ sơ do bên gửi phát hành qua phần mềm quản lý văn bản trên môi trường mạng.

7. Văn bản điện tử đến (sau đây gọi tắt là văn bản đến) là tất cả các loại văn bản, hồ sơ gửi đến Bên nhận thông qua phần mềm quản lý văn bản trên môi trường mạng.

8. Sổ đăng ký văn bản đi, sổ đăng ký văn bản đến điện tử (sau đây gọi tắt là sổ văn bản đi, sổ văn bản đến) là sổ cập nhật các thông tin về văn bản đi, văn

bản đến như: Tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành; trích yếu nội dung; nơi nhận và những thông tin khác trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản để quản lý và tra cứu văn bản.

9. Lưu trữ điện tử là tập hợp các văn bản điện tử hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được nộp lưu vào Lưu trữ.

Điều 4. Giá trị pháp lý của văn bản điện tử

1. Văn bản điện tử đã ký số theo quy định của pháp luật được gửi, nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành quy định tại Quy chế này có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy và thay thế cho việc gửi, nhận văn bản giấy.

2. Văn bản điện tử không thuộc khoản 1 Điều này được gửi, nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành có giá trị để biết, tham khảo không thay cho việc gửi, nhận văn bản giấy.

Điều 5. Nguyên tắc gửi, nhận văn bản điện tử

1. Các cơ quan phải sử dụng phần mềm quản lý văn bản để gửi, nhận văn bản điện tử trong nội bộ cơ quan và giữa các cơ quan với nhau thông qua trực liên thông của tỉnh.

2. Các cơ quan tham gia gửi, nhận văn bản điện tử phải thực hiện đúng nguyên tắc quy định tại Điều 5, Luật Giao dịch điện tử và tuân theo các quy định khác của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, công nghệ thông tin, viễn thông, văn thư, lưu trữ.

3. Các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước không phát hành văn bản giấy đến Bên nhận khi đã gửi văn bản điện tử, trừ các văn bản sau:

a) Văn bản gửi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Quy chế làm việc của Chính phủ;

b) Văn bản theo Danh mục do người đứng đầu Sở, Ban, Ngành, UBND các cấp quy định ngoài các văn bản do Bên gửi hoặc Bên nhận chưa đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn thông tin, giải pháp kết nối, liên thông để gửi, nhận văn bản điện tử.

4. Bên nhận có quyền từ chối nhận văn bản điện tử, nếu văn bản điện tử đó không bảo đảm các nguyên tắc, yêu cầu về gửi, nhận và phải chịu trách nhiệm về việc từ chối đó, đồng thời Bên nhận phản hồi cho Bên gửi được biết thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

5. Tuân thủ các yêu cầu về an ninh, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Yêu cầu gửi, nhận văn bản điện tử

1. Văn bản điện tử phải được bảo đảm tính xác thực về nguồn gốc, sự toàn vẹn, an toàn thông tin, dữ liệu trong quá trình gửi, nhận, xử lý và lưu trữ.

2. Văn bản đi phải được gửi ngay (trong ngày) sau khi ký ban hành, chậm nhất là buổi sáng của ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp văn bản điện tử thuộc loại khẩn phải được đặt ở chế độ ưu tiên ghi rõ mức độ khẩn, gửi ngay sau khi đã ký số và phải được trình, chuyển giao xử lý sau khi tiếp nhận. Văn bản đến phải được xử lý kịp thời sau khi tiếp nhận (nếu bảo đảm giá trị pháp lý), không phải chờ văn bản giấy (nếu có).

3. Văn bản điện tử phải được theo dõi, cập nhật tự động trạng thái gửi, nhận, xử lý trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

4. Văn bản điện tử phải bảo đảm yêu cầu về thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định của Bộ Nội vụ, về định dạng theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Bảo đảm các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn thông tin và giải pháp kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Điều 7. Các loại văn bản điện tử và đầu mối gửi, nhận văn bản điện tử

1. Tất cả các văn bản điện tử thuộc thẩm quyền ban hành và giải quyết của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước phải được gửi, nhận qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành, trừ trường hợp Bên gửi hoặc Bên nhận chưa đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn thông tin, giải pháp kết nối, liên thông để gửi, nhận văn bản điện tử.

2. Các loại văn bản điện tử gửi kèm văn bản giấy

a) Văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Văn bản theo Danh mục do người đứng đầu các cơ quan nhà nước ngoài các văn bản theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này và theo quy định của pháp luật.

3. Đầu mối cơ quan đơn vị gửi, nhận văn bản điện tử

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi, nhận văn bản điện tử thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi, nhận văn bản thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và theo Quy chế làm việc, Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố gửi, nhận văn bản điện tử thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo Quy chế làm việc, Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương II

QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, XỬ LÝ, PHÁT HÀNH VÀ QUẢN LÝ VĂN BẢN ĐIỆN TỬ

Điều 8. Tiếp nhận văn bản điện tử

1. Trước khi tiếp nhận, Bên nhận phải kiểm tra tính đầy đủ, toàn vẹn, tính xác thực của văn bản điện tử và tiến hành tiếp nhận trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Trường hợp không bảo đảm các nguyên tắc, yêu cầu về gửi, nhận văn bản điện tử, Bên nhận phải kịp thời phản hồi thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành để Bên gửi biết, xử lý theo quy định.

2. Sau khi tiếp nhận, Bên nhận xử lý và phản hồi trạng thái xử lý văn bản điện tử trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Trường hợp nhận được

thông báo thu hồi văn bản điện tử, Bên nhận có trách nhiệm hủy bỏ văn bản điện tử được thu hồi đó trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành, đồng thời thông báo việc đã xử lý văn bản điện tử được thu hồi thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành để Bên gửi biết.

3. Quy trình nhận văn bản đến

a) Trường hợp nhận văn bản đến dưới dạng điện tử thuộc danh mục văn bản quy định tại Điều 7 Quy định này: Văn thư thực hiện đầy đủ các thao tác quy trình tiếp nhận văn bản điện tử có chữ ký số theo quy định về quản lý sử dụng chứng thư số chuyên dùng trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, cập nhật thông tin văn bản vào phần mềm (mục Văn bản đến) và chuyển xử lý theo quy trình xử lý nội bộ của cơ quan.

b) Trường hợp nhận văn bản đến dưới dạng bản giấy thuộc danh mục văn bản quy định tại Điều 7 Quy định này: Văn thư thực hiện kiểm tra, xác nhận sự tồn tại của văn bản này trong phần mềm (mục Văn bản đến), sau đó chuyển bản giấy cho phòng chuyên môn tham mưu, lập hồ sơ.

c) Trường hợp nhận văn bản đến dưới dạng bản giấy thông thường (không qua các hệ thống thông tin): Văn thư tiến hành quét văn bản đến (trên máy quét), cập nhật thông tin văn bản vào phần mềm (mục Văn bản đến) và chuyển xử lý theo quy trình xử lý nội bộ của cơ quan.

d) Cập nhật thông tin văn bản đến bao gồm các mục cơ bản như sau: Số thứ tự (số đến); ngày đến; nơi gửi; số và ký hiệu văn bản, ngày tháng văn bản; tên loại văn bản; lĩnh vực; trích yếu nội dung văn bản; họ tên người ký và chức vụ; tính chất (mức độ khẩn); nơi lưu; ...

Điều 9. Xử lý văn bản điện tử

1. Các cơ quan, đơn vị có thể sử dụng các biện pháp kỹ thuật đối với văn bản điện tử nếu thấy cần thiết để làm cho văn bản điện tử đó dễ đọc, dễ lưu trữ và dễ phân loại nhưng phải bảo đảm không thay đổi nội dung văn bản điện tử đó (theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước).

2. Việc tổ chức chuyên xử lý công việc bằng văn bản điện tử, hồ sơ điện tử được thực hiện theo các quy trình xử lý nội bộ tương ứng với các hệ thống thông tin do các cơ quan, đơn vị xây dựng và ban hành.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, dữ liệu do mình cung cấp trên các hệ thống thông tin khi tham gia tham mưu xử lý công việc bằng văn bản điện tử, hồ sơ điện tử.

4. Cơ quan, đơn vị tổ chức việc theo dõi, kiểm tra thường xuyên tình trạng tham mưu giải quyết công việc bằng văn bản điện tử, hồ sơ điện tử trên môi trường mạng để phục vụ cho việc báo cáo, chỉ đạo kịp thời trong quá trình xử lý công việc.

Điều 10. Phát hành văn bản điện tử

1. Quy trình gửi văn bản đi

a) Tất cả văn bản điện tử bắt buộc ký chữ ký số trước khi phát hành và gửi trên môi trường mạng; quy trình ký số trên văn bản điện tử thực hiện theo quy

định về quản lý sử dụng chứng thư số chuyên dùng trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Văn thư cập nhật thông tin phát hành văn bản trên phần mềm (mục Văn bản đi) và gửi văn bản điện tử đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua các hệ thống thông tin mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó sử dụng để tiếp nhận văn bản điện tử, đồng thời gửi kèm theo bản giấy (đã ký và đóng dấu) đối với những văn bản quy định tại Điều 7 Quy định này. Việc lưu trữ bản giấy tại cơ quan phát hành văn bản đi được thực hiện theo quy định thông thường.

c) Cập nhật thông tin phát hành văn bản đi bao gồm các mục cơ bản như sau: Tên loại văn bản, số và ký hiệu văn bản, ngày tháng văn bản; ngày gửi văn bản; lĩnh vực, tính chất văn bản (theo mức độ khẩn); chức vụ và họ tên người ký văn bản; trích yếu nội dung văn bản; nơi nhận; số lượng bản phát hành; số trang; tập tin đính kèm; thông tin ghi chú (tùy theo đặc thù của từng cơ quan, tổ chức);...

2. Văn bản điện tử sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ký ban hành, ký số theo quy định của pháp luật và gửi đến Bên nhận thông qua các hệ thống quản lý văn bản và điều hành được kết nối, liên thông với nhau.

3. Bên gửi có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, bảo đảm văn bản điện tử được gửi đến đúng Bên nhận. Trường hợp thu hồi văn bản điện tử, Bên gửi phải thông báo trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành cho Bên nhận biết để xử lý văn bản điện tử được thu hồi.

4. Thời điểm gửi/nhận văn bản điện tử

a) Thời điểm gửi văn bản điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là thời điểm mà văn bản điện tử đó được gửi thành công trên hệ thống thông tin tại cơ quan phát hành.

b) Thời điểm nhận văn bản điện tử tại cơ quan được xác định là thời điểm văn bản điện tử đó được nhập (tự động) vào hệ thống thông tin của cơ quan tiếp nhận; nếu thời điểm văn bản nhập vào hệ thống ngoài giờ hành chính thì thời điểm tiếp nhận văn bản điện tử đến được tính là thời điểm bắt đầu giờ hành chính kế tiếp.

Điều 11. Quản lý văn bản điện tử

1. Nội dung và yêu cầu thông tin của văn bản điện tử

1.1. Nội dung thông tin của văn bản điện tử được gửi, nhận trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan chuyên môn, địa phương bao gồm nội dung của văn bản điện tử đó và toàn bộ nội dung hồ sơ, tài liệu được gửi kèm theo.

1.2. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan chuyên môn, địa phương phải thể hiện các thông tin sau đây của văn bản điện tử:

a) Mã định danh của cơ quan, tổ chức:

Ủy ban nhân dân các cấp và mỗi cơ quan, đơn vị có một mã định danh khi tham gia gửi, nhận văn bản điện tử trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Cấu trúc mã định danh cơ quan, tổ chức có 13 ký tự, chia thành bốn nhóm mã, các nhóm mã phân tách bởi dấu chấm:

- Mã cấp 1: mã của đơn vị cấp 1 (Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Mã cấp 2, cấp 3, cấp 4: mã của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc đơn vị cấp 1, đơn vị cấp 2, đơn vị cấp 3 tương ứng.

b) Mã định danh văn bản

Cấu trúc Mã định danh văn bản gồm:

- Mã định danh của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật;

- Năm ban hành văn bản, số thứ tự văn bản được ban hành trong năm;

c) Số và ký hiệu văn bản;

d) Ngày, tháng, năm văn bản.

đ) Loại văn bản.

e) Trích yếu nội dung văn bản.

f) Hồ sơ, tài liệu gửi kèm.

g) Trạng thái xử lý (đã đến, đã tiếp nhận, đã chuyển xử lý, đang xử lý, đã hoàn thành, từ chối nhận (trả lại), thu hồi, xóa...).

h) Chức vụ, họ tên người ký.

i) Mức độ khẩn (khẩn/thượng khẩn/hỏa tốc).

k) Bên gửi.

l) Bên nhận.

m) Thời gian gửi, nhận.

o) Thời hạn xử lý.

p) Lịch sử gửi, nhận văn bản.

q) Thông tin khác (nếu có).

2. Định dạng văn bản điện tử

a) Hình thức văn bản điện tử

- Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản: Đối với văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đối với văn bản hành chính thực hiện theo quy định của Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;

- Sử dụng bộ mã các ký tự tiếng Việt theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 để thể hiện các nội dung văn bản điện tử.

b) Định dạng văn bản điện tử

- Định dạng văn bản tiêu chuẩn, được ký số: *.pdf;

- Định dạng các tài liệu là văn bản: *.txt, *.rtf, *.doc; *.docx, *.odt;

- Định dạng các tài liệu là bảng tính: *.csv, *.xls, *.xlsx, *.ods;

- Định dạng các tài liệu chỉ đọc: *.pdf;

- Định dạng các tài liệu là đồ họa, đồ thị phục vụ quản lý chuyên ngành:

*.jpeg.

c) Tất cả văn bản điện tử đi, đến đã được ký số theo quy định của pháp luật, được gửi, nhận thông qua trực liên thông nội tỉnh (hoặc trực liên thông Quốc gia) phải có nội dung trùng khớp với văn bản giấy đã được ký đóng dấu ban hành của các cơ quan gửi văn bản.

3. Tổng hợp thông tin, tình hình gửi, nhận văn bản điện tử

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, trích xuất thông tin, dữ liệu về tình hình gửi nhận văn bản điện tử của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trích xuất thông tin, dữ liệu về tình hình gửi, nhận văn bản điện tử của các cơ quan cấp dưới thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp, trích xuất thông tin, dữ liệu về tình hình gửi, nhận văn bản điện tử của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành của huyện.

4. Lưu trữ văn bản điện tử

Tất cả các văn bản điện tử được quản lý, lưu trữ theo quy định tại Chương II, Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ.

Chương III HẠ TẦNG KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

Điều 12. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật

1. Trục liên thông văn bản toàn tỉnh được kết nối, liên thông với hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố qua mạng truyền số liệu của các cơ quan, nhà nước.

2. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phải bảo đảm hạ tầng kỹ thuật kết nối với Trục liên thông văn bản toàn tỉnh

Điều 13. Bảo đảm an toàn thông tin

1. Chủ quản Trục liên thông văn bản tỉnh, chủ quản hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phải xác định, phê duyệt cấp độ và tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Việc kết nối giữa hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố với Trục liên thông văn bản tỉnh phải được mã hóa, xác thực theo tiêu chuẩn về an toàn thông tin tại Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 14. Bảo đảm giải pháp kết nối, liên thông

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phải bảo đảm giải pháp kết nối, liên thông các hệ thống quản lý văn bản và điều hành với Trục liên thông văn bản tỉnh tuân thủ quy định của

Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện kết nối theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố gửi, nhận văn bản điện tử qua Trục liên thông văn bản quốc gia sử dụng mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin, phản hồi trạng thái xử lý văn bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Thông tin về tình hình gửi, nhận văn bản điện tử của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố bảo đảm chia sẻ, công khai trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành và các hệ thống thông tin khác phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Thời gian gửi, nhận văn bản điện tử giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố bảo đảm thống nhất, đồng bộ theo múi giờ Việt Nam và đồng bộ theo Trục liên thông văn bản quốc gia.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về việc sử dụng mã định danh cơ quan, mã định danh văn bản và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành để gửi, nhận văn bản điện tử; quản lý thống nhất danh sách mã định danh của các cơ quan, ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trong hệ thống hành chính nhà nước phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử; tổng hợp, cập nhật kịp thời mã định danh cơ quan khi có sự thay đổi về đơn vị hành chính, cơ cấu tổ chức của các cơ quan vào Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam, tiếp nhận đăng ký, quản lý, hướng dẫn và kiểm tra việc công bố hợp quy hệ thống quản lý văn bản và điều hành và hệ thống kết nối, liên thông của các cơ quan nhà nước theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho Trục liên thông văn bản tỉnh; hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

3. Bảo đảm đường truyền, mạng truyền số liệu chuyên dùng thông suốt, ổn định đáp ứng yêu cầu gửi, nhận văn bản điện tử.

4. Chỉ đạo đơn vị cung cấp phần mềm Quản lý văn bản và điều hành xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho các cơ quan khai thác, sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và trục liên thông nội tỉnh điều hành đảm bảo thường xuyên, kịp thời khi có phiên bản mới.

5. Căn cứ kế hoạch hàng năm lập dự toán kinh phí cho việc quản lý, duy trì phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; trực liên thông nội trực liên thông Quốc gia để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Chủ trì phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý, khắc phục các sự cố về kỹ thuật và đảm bảo an toàn thông tin trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành; trực liên thông nội tỉnh kết nối với trực liên thông Quốc gia (*không bao gồm nội dung xử lý lỗi khi truyền nhận văn bản qua trực liên thông nội tỉnh và hỗ trợ xử lý do hệ thống mạng tại các đơn vị*).

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về quản lý, sử dụng văn bản điện tử.

2. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức khi có Nghị định thay thế Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ.

3. Đưa tiêu chí triển khai gửi, nhận văn bản điện tử là một trong các tiêu chí đánh giá chỉ số cải cách hành chính và thi đua khen thưởng của các cơ quan, tổ chức hàng năm.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Cân đối kinh phí để bố trí đầy đủ, kịp thời trong kế hoạch ngân sách hàng năm để bảo đảm duy trì, phát triển vận hành Phần mềm hệ thống quản lý văn bản trong các cơ quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 18. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có kế hoạch triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện quy chế này. Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Triển khai phần mềm quản lý văn bản thuộc phạm vi quản lý, chỉ đạo, điều hành của đơn vị mình bảo đảm khả năng kết nối, liên thông với trực liên thông nội tỉnh.

3. Thực hiện các giải pháp, biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong việc gửi, nhận văn bản điện tử.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đáp ứng yêu

cầu về gửi, nhận văn bản điện tử theo Quy chế này, tổ chức kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành với Trục liên thông văn bản, tỉnh, quốc gia.

2. Các cơ quan, địa phương chưa hoàn thành việc kết nối, liên thông văn bản điện tử nội bộ có trách nhiệm in văn bản điện tử được ký số từ hệ thống quản lý văn bản và điều hành, đóng dấu đến để xử lý như văn bản giấy theo quy định; hoàn thành kết nối, liên thông văn bản điện tử nội bộ, thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử theo quy định tại Quyết định này trước ngày 30 tháng 12 năm 2019.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế và báo cáo UBND tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 44 /SGTVT-KCHT

V/v tham gia góp ý kiến dự thảo
văn bản trả lời, chương trình
tham mưu UBND tỉnh tổ chức
xử lý nội dung phản ánh của
Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và
vừa tỉnh Bình Phước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 20 tháng 02 năm 2019

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH PHƯỚC

Kính gửi:

ĐẾN Số: 505
Ngày: 21/02/2019
Chuyển: Kế hoạch
PGĐ Lê Tiến Hiếu
Lưu hồ sơ số:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tư pháp;
- UBND huyện Đồng Phú;
- Cty cổ phần BOT đường Đồng Phú - Bình Dương.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 21/UBND-KT ngày 04/01/2019 về chuẩn bị nội dung tổ chức đối thoại liên quan đến các trạm BOT; Công văn số 3784/UBND-KT ngày 13/12/2018 về việc rà soát các trạm thu phí BOT trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sở GTVT đã rà soát, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các Dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ sử dụng đường bộ trên địa bàn tỉnh (Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT)) do UBND tỉnh Bình Phước hoặc ủy quyền Sở GTVT tỉnh Bình Phước là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết với Nhà đầu tư; nghiên cứu nội dung thực hiện Hợp đồng dự án và các quy định pháp luật có liên quan trong thực hiện dự án đầu tư.

Đến nay, Sở GTVT đã dự thảo cơ bản hoàn thành văn bản tham mưu cho UBND tỉnh xử lý nội dung phản ánh của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Phước cũng như dự thảo nội dung các tình huống trong kế hoạch tổ chức đối thoại với doanh nghiệp trong vấn đề liên quan đến các dự án giao thông trên địa bàn tỉnh đầu tư theo hình thức BOT. Để thống nhất cho nội dung tham mưu trả lời phúc đáp cũng như tổ chức tốt các nội dung cho buổi đối thoại của UBND tỉnh với các Doanh nghiệp.

Sở GTVT xin gửi bản dự thảo văn bản tham mưu xử lý nội dung phản ánh của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Phước cũng như dự thảo nội dung các tình huống trong kế hoạch tổ chức đối thoại với doanh nghiệp và đề nghị Các Sở, ngành, đơn vị nêu trên tham gia góp ý cụ thể, đề xuất bổ sung (nếu có) để Sở GTVT tổng hợp, sớm tham mưu cho Lãnh đạo UBND tỉnh xử lý và đối thoại với các Doanh nghiệp đạt hiệu quả tích cực trong thời gian tới. Do tình cấp bách nên đề nghị các đơn vị sớm xem xét tham gia góp ý bằng văn bản và gửi về cho Sở GTVT trước ngày 27/02/2019, quá thời hạn trên xem như quý Cơ quan đồng thuận với nội dung

các văn bản dự thảo của Sở GTVT. Việc liên hệ hoặc cần trao đổi, bổ sung tài liệu theo địa chỉ: Đ/c Trần Hùng Việt - Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, Sở GTVT; số ĐT: 0913.937.323.

Tài liệu gửi kèm:

- Bản dự thảo văn bản tham mưu UBND tỉnh xử lý nội dung phản ánh của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Phước;
- Bản dự thảo kế hoạch nội dung các tình huống trong buổi tổ chức đối thoại với doanh nghiệp;
- Công văn số 42/CV-HHDNNVV ngày 03/11/2018 của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Phước về thực trạng các trạm thu phí BOT dày đặc trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Kính mong quý Cơ quan phối hợp thực hiện làm cơ sở cho Sở GTVT tổng hợp, sớm tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức buổi đối thoại và trả lời doanh nghiệp góp phần tạo thuận lợi trong quá trình kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh cũng như khu vực và triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Nơi nhận:

- TTTU- HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (b/c);
- Như trên;
- GD, PGD Sở;
- Lưu VT, P.KCHT^(Klora)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Hiệp

**UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ... /SGTVT-KCHT

Bình Phước, ngày ... tháng 01 năm 2019

V/v tham mưu xử lý Hội đồng phản
ánh của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ
và vừa tỉnh Bình Phước
(Dự thảo).



Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 21/UBND-KT ngày 04/01/2019 về chuẩn bị nội dung tổ chức đối thoại liên quan đến các trạm BOT; Công văn số 3784/UBND-KT ngày 13/12/2018 về việc rà soát các trạm thu phí BOT trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sở GTVT đã rà soát, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các Dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ sử dụng đường bộ trên địa bàn tỉnh (*Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT)*) do UBND tỉnh Bình Phước hoặc ủy quyền Sở GTVT tỉnh Bình Phước là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết với Nhà đầu tư; nghiên cứu nội dung thực hiện Hợp đồng dự án và các quy định pháp luật có liên quan trong thực hiện dự án đầu tư.

Sau khi xem xét nội dung phản ánh của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Phước theo nội dung Công văn số 42/CV-HHDNNVV ngày 03/11/2018 về thực trạng các trạm thu phí BOT dày đặc trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Sở GTVT xin báo cáo, đề xuất tham mưu UBND tỉnh xem xét, có phúc đáp, xử lý phản ánh và nội dung đối thoại liên quan đến các trạm BOT trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

I. Tổng hợp các Dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT (Dự án BOT)

1. Bối cảnh hệ thống mạng lưới giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

Khi mới tái lập tỉnh, toàn tỉnh chỉ có 103 tuyến đường với chiều dài 1.235,36Km (*không kể đường chuyên dùng của các Cty cao su, nông lâm trường đóng trên địa bàn với chiều dài 489Km và 31 cầu các loại*) và 70 cầu các loại /1.838,21 mđài, tỷ lệ đường cấp phối sỏi đỏ và đường đất chiếm 83,95% , cầu gỗ và cầu đá chiếm 69,02% mật độ trung bình 0,15km/km² và 2,13km/1000 dân.

Qua các năm đầu tư phát triển giao thông tính đến cuối năm 2011 toàn tỉnh có 2.039 tuyến/5.322,10 km và 260 cầu/4.379.63mđài. Hệ thống giao thông của tỉnh ngày càng mở rộng và trải đều khắp các huyện, thị và đến tận các trung tâm xã, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người. Đến nay Bình Phước có 100% số xã có đường ô tô đến tận trung tâm xã trong 2 mùa mưa nắng và hơn 94% số xã có đường nhựa đến trung tâm xã. Tuy nhiên Hiện trạng mạng lưới giao thông của tỉnh so với quy hoạch còn nhiều yếu kém, tải trọng thiết kế chưa đồng bộ, nhiều tuyến đường được đầu tư đã lâu nhưng chưa được cải tạo, nâng cấp theo quy trình, chế độ duy tu, bảo dưỡng kém (*do nguồn vốn duy tu phân bổ hàng năm cho ngành chỉ đạt 20% theo quy định*). Hệ thống cầu, đường trên các tuyến QL, ĐT hiện chưa được đầu tư đồng bộ, còn nhiều cầu yếu, cầu đá chiến chưa được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu phát triển

kinh tế xã hội như: các cầu trên QL13, QL14 chưa được cải tạo, nâng cấp cho đồng bộ với tải trọng và khổ đường của các dự án BOT; Các cầu yếu trên các ĐT: cầu ĐakLung (10T), cầu ĐakLấp (18T) và cầu ĐakO (18T) trên ĐT 760; trên ĐT755 có các cầu số 1, 2, 3 (18T)...vv; Nhiều tuyến đường được đầu tư từ những năm đầu tái lập tỉnh với quy mô thấp do đó chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội do lưu lượng xe trên tuyến tăng, xe tải trọng lớn nhiều dẫn đến nhiều tuyến xuống cấp nghiêm trọng đang rất cần nâng cấp, sửa chữa.

Trong bối cảnh đó, Lãnh đạo tỉnh đã tổ chức kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình Dự án giao thông đường bộ theo hình thức Hợp đồng BOT, BT nhằm hoàn thiện, phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng từ việc huy động nguồn vốn nội lực từ trong nhân dân, nguồn vốn xã hội hóa trong điều kiện ngân sách tỉnh, ngân sách nhà nước phân bổ hết sức hạn hẹp; đồng thời thực hiện theo đúng chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Các Dự án BOT trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh là Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Toàn tỉnh kêu gọi đầu tư và tổ chức triển khai thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT đến nay gồm 05 Dự án, trong đó có 04 Dự án BOT là đầu tư nâng cấp, mở rộng trên các tuyến đường hiện hữu (trước đây mặt đường chỉ từ 04 mét đến 06 mét) nay được mở rộng mặt đường tối thiểu 19m và 01 Dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương là tuyến đường hoàn toàn mới, với chiều dài 42Km đi qua địa bàn huyện Đồng Phú, cơ bản chạy dọc song hành với tuyến ĐT.741. Tổng vốn đầu tư các Dự án là hơn 2.674,3 tỷ đồng. Riêng Dự án BOT QL.14 đoạn cầu 38 đến Đồng Xoài là Dự án do Bộ GTVT là cơ QLNNCTQ triển khai thực hiện.

04 Dự án BOT đang triển khai thu hoàn vốn, tạo lợi nhuận cho Nhà đầu tư có chiều dài hơn 128Km, cụ thể:

a) 02 Dự án BOT trên tuyến QL.13 được Bộ GTVT điều chuyển để thực hiện quản lý và đầu tư xây dựng:

- Dự án Nâng cấp, mở rộng QL13 đoạn từ Km62+700 (ranh giới tỉnh Bình Dương) đến Km95+000 (thị trấn An Lộc) với chiều dài 32,3Km do Công ty CP ĐTXD CSHT Bình Phước làm Nhà đầu tư, Dự án được triển khai xây dựng từ năm 2005, hoàn thành đưa vào khai thác, thu hoàn vốn từ tháng 9/2008. Dự án giao cắt với nhiều tuyến đường vận tải, gồm: đường Hồ Chí Minh, ĐT.751, ĐT.752, ĐT.756C (Tân Khai – Tân Quan nối đến QL.14) và rất nhiều tuyến đường huyện, đường xã. Do đó, để đảm bảo khả năng hoàn vốn, tạo lợi nhuận cho Nhà đầu tư thì Dự án đã được UBND tỉnh kết kết Hợp đồng BOT xác định đặt 02 trạm BOT (tại Km63+120 và Km87+300). Thời gian thu phí là 300 tháng (25 năm) trong đó thời gian thu phí hoàn vốn là 223 tháng (18,6 năm) và thời gian thu thêm là 77 tháng (6,4 năm), mức thu hiện đang áp dụng theo biểu mức phí được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014.

- Dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ thị trấn An Lộc đến ngã ba Chiu Riu theo hình thức BOT có chiều dài (điều chỉnh) là 26,75 Km do Công ty CP BOT QL13 An Lộc – Hoa Lư làm Nhà đầu tư, Dự án hoàn thành đầu tư xây dựng giai đoạn

1 (chiều dài 20,88Km) và triển khai thu hoàn vốn từ 02/2017, tại 01 Trạm BOT (Km105+700).

Sau khi rà soát, báo cáo và đề xuất kiến nghị các Bộ, ngành tương ứng xem xét chấp thuận việc sắp xếp, bố trí trạm BOT trên tuyến QL.13 đảm bảo tình hình thực tế kết nối mạng lưới giao thông vận tải, đánh giá tính khả thi của dự án và hiệu quả về lợi ích xã hội, kinh tế địa phương mà các Dự án BOT mang lại. Ngày 18/7/2014, Bộ GTVT có Công văn số 8725/BGTVT-TC và ngày 19/11/2014 và Công văn số 15637/BGTVT-TC ngày 08/12/2014; Bộ Tài chính có Công văn số 16884/BTC-HCSN, qua đó thống nhất việc bố trí, sắp xếp 03 trạm BOT như hiện tại đang triển khai thực hiện nêu trên.

b) 02 Dự án BOT trên tuyến đường tỉnh 741 (ĐT.741):

- Dự án Nâng cấp, mở rộng ĐT.741, đoạn Bàu Tru đến Đồng Xoài có chiều dài 23,21Km, mặt đường rộng 19m do Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước là Nhà đầu tư, sau khi cổ phần hóa Công ty, Dự án hiện được chuyển phần vốn Nhà nước về cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh (theo Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh) liên doanh vốn góp với Công ty CP Xây lắp Miền Nam (theo chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 1345/UBND-TH ngày 27/4/2017) thực hiện đầu tư Dự án điều chỉnh nâng cấp mở rộng. Dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng từ cuối tháng 8/2003 và được tổ chức 01 trạm BOT tại Km50+300 thuộc xã Tân Lập, huyện Đồng Phú để thu hoàn vốn, tạo lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Thời gian thu phí dự kiến là 25 năm, mức thu phí hiện nay thực hiện theo Nghị quyết số 21/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh.

- Dự án Nâng cấp, mở rộng ĐT.741 đoạn Đồng Xoài đi Phước Long có chiều dài hơn 45,78Km, mặt đường rộng 19m do Công ty CP Kinh doanh BOT đường ĐT741 làm Nhà đầu tư, Dự án đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng từ cuối tháng 11/2005 và được tổ chức 02 trạm BOT (01 trạm tại Km74+500 (xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú) và 01 trạm tại Km96+200 (xã Bù Nho, huyện Phú Riềng). Thời gian dự kiến thu phí là 17 năm 2 tháng và thời gian thu thêm là 7 năm 10 tháng. Hiện nay, mức thu phí được thu theo Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 31/7/2014 của HĐND tỉnh.

Đến nay, các Dự án được điều chỉnh tiếp tục mở rộng nhằm đảm bảo khả năng khai thác, đáp ứng nhu cầu vận tải trên tuyến khi lượng phương tiện tham gia giao thông đang dần trở nên quá tải khi lưu thông trên tuyến đường.

c) Dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương giai đoạn 1:

Dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương giai đoạn 1 có chiều dài hơn 42Km, bề rộng mặt đường là 11m, do Công ty CP BOT đường Đồng Phú – Bình Dương làm Nhà đầu tư. Việc đầu tư xây dựng công trình Dự án nhằm phục vụ nhu cầu vận tải trên địa bàn tỉnh ngày càng phát triển. Xây dựng thêm một khung đường mới là yêu cầu tất yếu nhằm giảm bớt “gánh nặng” lưu thông cho các tuyến đường khác, giải quyết nhu cầu dân sinh và tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội khu vực, phù hợp với quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông của tỉnh. Với việc đầu tư xây dựng đường Đồng Phú – Bình Dương tạo điều kiện để phát triển hạ tầng kết nối không gian phát triển kinh tế Tp. Hồ Chí Minh – Bình Dương – Bình Phước – Đồng Nai và các tỉnh Tây Nguyên,

bố trí dân cư trong khu vực, đáp ứng nhu cầu lưu thông, vận chuyển hàng hoá trên địa bàn với các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam, hoàn thiện mạng lưới giao thông của khu vực; đặc biệt góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và an ninh – quốc phòng của tỉnh Bình Phước. Hiện Dự án đang chờ hoàn thiện, xử lý một số vướng mắc có liên quan (trong đó chờ ý kiến chấp thuận đầu nối công trình vào quốc lộ 14) để tạo điều kiện cho Nhà đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng.

II. Hiệu quả đầu tư:

Việc triển khai đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vừa đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, vừa góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, giảm áp lực nợ công, kích cầu đối với sản xuất trong nước. Chính yếu tố này đã tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đảm bảo an ninh - quốc phòng, hạn chế ô nhiễm môi trường, giảm ùn tắc, tai nạn giao thông và trực tiếp làm tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

So với thời điểm các công trình chưa được đầu tư nâng cấp, các dự án BOT khi đưa vào khai thác giúp tiết kiệm đáng kể chi phí vận hành khai thác, chi phí nhiên liệu, khấu hao phương tiện, tiết kiệm thời gian của người sử dụng đường bộ... Người đi xe máy và xe thô sơ được sử dụng công trình có mức độ phục vụ tốt hơn mà không mất phí. Trong đó, đặc biệt là đã mang lại hiệu quả to lớn về lợi ích xã hội một cách rõ rệt, cụ thể:

- Kết nối các trung tâm hành chính trên địa bàn tỉnh nói riêng, tạo ra một mạng lưới giao thông thuận lợi cho Khu vực Tây nguyên, vùng biên giới tiếp giáp với tỉnh ta kết nối với Vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam, rút ngắn một cách đáng kể về thời gian lưu thông phương tiện, vận chuyển hàng hóa, hành khách trên các cung đường (Có thể thấy được trước đây việc lưu thông từ Phước Long, Bình Long, Lộc Ninh về trung tâm tỉnh lỵ và về Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương,... mất thời gian từ 03 đến hơn 04 giờ đồng hồ trên những đoạn đường thuộc địa bàn tỉnh dài chưa quá 100Km, nhưng đến nay đã giảm xuống chỉ còn khoảng 01 đến dưới 02 giờ đồng hồ trên các tuyến đường được đầu tư nâng cấp, mở rộng trên tuyến QL.13, ĐT.741;...)

- Đồng bộ trong quy hoạch phát triển các Khu dân cư, tạo động lực phát triển kinh tế theo phân vùng, thúc đẩy trong phát triển các Khu công nghiệp, đặc biệt là đón nhận kết quả rất tích cực từ vốn đầu tư của các Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, từ đó tạo ra được một khối lượng lớn về công việc, cơ bản giải quyết được vấn đề việc làm trên địa bàn tỉnh; ổn định vĩ mô về an ninh, quốc phòng.

- Giảm thiểu tối đa tình hình mất an toàn giao thông, khắc phục hiệu quả trong công tác xử lý điểm đen mà đây cũng chính là nỗi lo, vấn đề bức xúc của toàn xã hội.

III. Những tác động đến đời sống của nhân dân.

1. Về tổng thể chung:

Trong quá trình đầu tư xây dựng, phát triển mạng lưới giao thông các tuyến đường huyết mạch nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải, lưu thông của nhân dân trên địa bàn tỉnh nói riêng, đảm bảo nhu cầu kết nối bền vững với các tỉnh, thành lân cận và các

tỉnh Tây nguyên kết nối với Vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam nói chung. Việc đầu tư kinh doanh dịch vụ sử dụng đường bộ thời gian qua, đã được các Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh hết sức quan tâm, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Bên cạnh những đánh giá về mặt tài chính và lợi nhuận của doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, thì những nỗ lực trong hoàn thiện công trình Dự án sớm phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, đóng góp to lớn trong cái chung mà các công trình Dự án hạ tầng giao thông BOT mang lại về mặt lợi ích xã hội, kinh tế, an ninh, quốc phòng... Với việc thực hiện hài hòa lợi ích và đảm bảo tính khả thi, khả năng hoàn vốn tạo lợi nhuận cho Nhà đầu tư, các bên thực hiện Hợp đồng BOT phải xin ý kiến của cấp có thẩm quyền thỏa thuận, thống nhất việc bố trí, sắp xếp Trạm BOT để thu hồi vốn đầu tư và áp dụng mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ đảm bảo theo quy định. Trong vấn đề này, đã phát sinh những tác động ảnh hưởng đến tâm lý của Chủ phương tiện phải đóng phí khi qua các trạm BOT.

Công tác GPMB chậm bàn giao cho Nhà đầu tư do những ảnh hưởng về cơ chế, chính sách cũng như những thỏa thuận chưa đạt được giữa Tổ chức thực hiện đến bù, giải tỏa với người dân đã tác động rất lớn đến tiến độ thi công hoàn thành công trình, làm phát sinh các chi phí trong quá trình đầu tư. Từ đó tác động rất lớn đến cách tiếp cận, nhìn nhận về Dự án đầu tư của nhân dân.

Để khắc phục những tác động ảnh hưởng đến nhân dân, một phần lãnh đạo tỉnh thường xuyên chỉ đạo các Sở, ngành, đơn vị có liên quan cùng Nhà đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện hoàn thành công trình xây dựng, bảo dưỡng, bảo trì sản phẩm dịch vụ đường bộ trong thời gian khai thác sử dụng phục vụ tốt nhất cho nhu cầu vận tải, đi lại của nhân dân; một phần thường xuyên kiểm tra, rà soát các thông số tài chính của doanh nghiệp để xây dựng lại Phương án tài chính, xác định thời gian thu hoàn vốn, tạo lợi nhuận còn lại của từng dự án cho phù hợp với thực tế quản lý vận hành và khai thác dịch vụ công trình,... Đồng thời tiếp tục thực hiện nâng cấp, mở rộng các công trình Dự án có xu hướng quá tải trong việc tiếp nhận phương tiện lưu thông, đảm bảo quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông của tỉnh, đảm bảo bước đột phá về hạ tầng kỹ thuật đáp ứng tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời gian tới.

2. Tính chất đặc thù của từng dự án:

a) Các dự án BOT QL.13:

Tuyến QL.13, tuyến đường xương sống nối liền từ cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư đi qua trung tâm các huyện Lộc Ninh, thị xã Bình Long, huyện Hớn Quản, huyện Chơn Thành để về đến tp. Hồ Chí Minh, có chiều dài đi qua địa bàn tỉnh là hơn 80Km. Bên cạnh những đoạn đường được sửa chữa, bảo trì bằng nguồn vốn ngân sách và tiếp tục kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương bố trí vốn thực hiện một số đoạn trọng yếu còn lại thì với hơn 60Km được đầu tư theo hình thức BOT đã đảm bảo êm thuận trong lưu thông, thông tuyến từ Km127+500, ngã ba Lộc Tấn đi qua TTHC huyện Lộc Ninh về đến tp. Hồ Chí Minh. Với 03 trạm BOT đã được sự chấp thuận của Bộ GTVT, Bộ Tài chính (theo các Công văn đã nêu trên) và áp dụng theo quy định về mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ, tuy nhiên vẫn có thể gây tâm lý về khoảng

cách đặt trạm từ các Chủ phương tiện chịu thu phí, nhưng đó cũng là bài toán nghiên cứu rất kỹ càng, khoa học, phù hợp với tình hình thực tế triển khai quản lý, vận hành và khai thác công trình dự án. Đến nay, riêng dự án BOT QL.13 đoạn từ Tham Rót – Bình Long đang được Nhà đầu tư tiếp tục thực hiện việc hoàn thiện hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư và tổ chức thẩm trung tu BTN lớp mặt theo nội dung Hợp đồng BOT đã ký, đảm bảo khả năng khai thác và bền vững kết cấu công trình. Đối với dự án BOT QL.13 đoạn An Lộc – Chiu Riu đang được Nhà đầu tư khẩn trương hoàn thành một số phần công việc còn lại của công trình giai đoạn 2 (giai đoạn 2 là đoạn từ TT huyện Lộc Ninh đến ngã ba Lộc Tấn) nhằm sớm đưa toàn bộ Công trình dự án đưa vào khai thác sử dụng và vẫn duy trì 01 trạm BOT để thu hoàn vốn cho Dự án.

b) Các dự án BOT ĐT.741 (Công trình Dự án độc lập, không giao cắt với các công trình Dự án BOT QL.13):

Với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị tỉnh Bình Phước trong việc tiếp tục mở rộng các đoạn tuyến đang có xu hướng quá tải tiếp nhận phương tiện lưu thông, đồng thời phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển và quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới giao thông đường bộ của tỉnh, của cả khu vực. Với 70Km đường thực hiện đầu tư theo hình thức BOT nối liền các trung tâm huyện, thành thị: Bù Gia Mập – Phước Long – Phú Riềng – Đồng Xoài và Đồng Phú kết nối với hệ thống giao thông tỉnh Bình Dương đã tạo nhịp đà phát triển chung cho toàn xã hội; các Nhà đầu tư cũng chia sẻ trong việc giảm nguồn thu do phương tiện lưu thông giao cắt khá lớn với mạng lưới giao thông của tỉnh (không lưu thông qua trạm BOT) và vẫn duy trì các trạm BOT theo đúng Hợp đồng đã ký kết, không phát sinh trạm phụ để đạt được sự đồng thuận to lớn của đại bộ phận nhân dân, trong đó mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ tuân thủ theo quy định. Đến nay, cả 02 dự án BOT trên ĐT.741 đang được điều chỉnh mở rộng, hoàn thiện hệ thống thoát nước, vỉa hè khu dân cư, tiếp tục hòa chung trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của toàn tỉnh. Riêng đối với dự án BOT ĐT.741 đoạn Đồng Xoài – Phước Long dài 46Km, đặt 02 trạm BOT đã được HĐND tỉnh chấp thuận và được UBND tỉnh ký kết Hợp đồng BOT là phù hợp với tính khả thi của dự án, đảm bảo hài hòa lợi ích doanh nghiệp, nhân dân trong kinh doanh khai thác dịch vụ sử dụng đường bộ, mặc dù vẫn còn vấp phải những phản ánh về số lượng trạm BOT từ Chủ phương tiện chịu đóng phí.

c) Dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương giai đoạn 1:

Ngay từ đầu những năm 2010, lãnh đạo tỉnh đã chủ trương đầu tư xây dựng một cung đường mới đi song hành với tuyến ĐT.741, vừa mang tính chất giảm tải cho hệ thống đường tỉnh với tầm nhìn đến năm 2030, vừa tạo một hành lang giao thông thúc đẩy phát triển mạnh mẽ vùng kinh tế phía Đông; Đông – Bắc của tỉnh nhà, mở thêm một hệ trục giao thông huyết mạch có tính chất quan trọng về định hướng, chiến lược mà Thủ tướng Chính phủ cũng đã đưa vào quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông liên vùng (Quyết định 2055/QĐ-TTg ngày 23/11/2015). Qua những nghiên cứu, đánh giá, phân tích và đã kêu gọi đầu tư theo nhiều hình thức BT, BTO, BOT,... cũng như nghiên cứu sắp xếp nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư; cho đến cuối năm 2015, trên cơ sở ý kiến đồng thuận của Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương, lãnh đạo tỉnh đã xác định hình thức đầu tư xây dựng dự án theo Hợp đồng BOT, thực hiện phân kỳ đầu tư để đảm bảo tính khả thi của Dự án; Tổ chức, chỉ đạo kêu gọi đầu tư nhằm

sớm thực hiện hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Đến nay, kế hoạch thực hiện Dự án đầu tư có được những bước tích cực khi lựa chọn được Nhà đầu tư đảm bảo theo quy định; đặc biệt là nhận được sự quan tâm, ủng hộ của hầu hết của cộng đồng dân cư trong vùng Dự án nói riêng, của nhân dân trên địa bàn tỉnh nói chung và đông đảo các Chủ phương tiện (đối tượng tham gia giao thông sử dụng dịch vụ đường bộ) trên tuyến Tây nguyên đi Vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam. Lãnh đạo tỉnh cũng hết sức quan tâm, chỉ đạo nghiên cứu đến vấn đề đặt trạm, số lượng trạm BOT nhằm giảm thiểu nhất có thể những tác động ảnh hưởng đến tâm lý của người dân, đảm bảo với mức giá dịch vụ cung cấp theo quy định; trong đó thể hiện những thông số đầu tư đến người tham gia giao thông được nắm rõ, chia sẻ quá – tiến trình đầu tư xây dựng dự án thông qua việc công bố dự án, thông tin báo chí, truyền thông trong và ngoài tỉnh. Theo kế hoạch, tuyến đường Đồng Phú – Bình Dương sau khi hoàn thành sẽ cung cấp dịch vụ đường bộ mà người tham gia giao thông có sự lựa chọn cung đường vận tải (Phương tiện chịu thu phí có thể lựa chọn cung đường khác, do tuyến không phải là đường độc đạo) vì vậy, đánh giá tính khả thi, tính kết nối và khả năng hoàn vốn cho Nhà đầu tư thì về đề xuất Công trình Dự án sẽ ưu tiên việc lựa chọn, bố trí 02 Trạm BOT tại điểm đầu vào và điểm đầu ra của tuyến đường dài 42Km.

Do xuất hiện những tồn tại liên quan đến việc đầu nối vào Quốc lộ 14 tại Km946+000, thuộc Dự án BOT QL.14 đoạn Cầu 38 đến Đồng Xoài (Dự án do Bộ GTVT là CQNNCTQ và Công ty CP Đức Thành Gia Lai là Nhà đầu tư) hiện UBND tỉnh đang tiếp tục làm việc với Bộ GTVT và các Nhà đầu tư để sớm có hướng xử lý tồn tại nêu trên; đồng thời đẩy nhanh công tác đền bù, GPMB sớm ban giao mặt bằng cho Nhà đầu tư làm cơ sở cho công trình Dự án đường Đồng Phú tiếp tục triển khai thực hiện.

IV. Phúc đáp nội dung phản ánh.

1. Thực trạng các trạm thu phí BOT trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

a) Việc nhận định các công trình Dự án kinh doanh dịch vụ đường bộ (thông qua thu hoàn vốn tại các trạm BOT) gây ảnh hưởng lớn cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

- Tăng chi phí vận chuyển;
- Giảm năng suất lao động;
- Kìm hãm sự phát triển ngày càng lớn mạnh của cộng đồng doanh nghiệp;
- Ảnh hưởng trực tiếp tới sự đi lại của người dân kéo theo những hệ lụy là "địa phương không thể bứt phát được như các tỉnh, thành phố khác trong cả nước (chi phí phụ thuộc toàn bộ vào sự trợ cấp của Trung ương) thay vì nguồn này có được từ sự đóng góp của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua việc đóng thuế để nộp NSNN.

Với nhận định trên là chưa phù hợp; đặc biệt chưa có sự nghiên cứu tổng thể, khoa học và logic khi đưa ra những luận điểm ảnh hưởng. Cụ thể:

- Dự án đầu tư BOT là dự án kinh doanh dịch vụ đường bộ để hoàn vốn, mức giá dịch vụ thực hiện theo Nghị quyết của HĐND, theo quy định của pháp luật (hiện nay, cơ bản các Trạm BOT thu mức giá cho 05 nhóm phương tiện chịu phí theo biểu khung

lần lượt với Nhóm 1: Xe dưới 12 chỗ ngồi, xe dưới 2 tấn có mức vé thu theo lượt là 20.000 đồng, theo tháng là 540.000 đồng, theo quý là 1.600.000 đồng; Nhóm 2: Xe khách từ 12 chỗ đến 30 chỗ, xe tải từ 2 tấn đến dưới 4 tấn có mức vé thu theo lượt là 25.000 đồng, theo tháng là 680.000 đồng, theo quý là 1.850.000 đồng; Nhóm 3: Xe khách từ 31 chỗ trở lên, xe tải từ 4 tấn đến dưới 10 tấn có mức vé thu theo lượt là 35.000 đồng, theo tháng là 1.000.000 đồng, theo quý là 2.700.000 đồng; Nhóm 4: Xe tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn, Container 20 fit có mức vé thu theo lượt là 60.000 đồng, theo tháng là 1.600.000 đồng, theo quý là 4.300.000 đồng; Nhóm 5: Xe tải trên 18 tấn, Container 40 fit có mức vé thu theo lượt là 90.000 đồng, theo tháng là 2.400.000 đồng, theo quý là 6.400.000 đồng) biểu khung này về cơ ở mức bản ngang bằng và cũng có thấp hơn so với biểu khu mức giá các dự án BOT có cùng quy mô, cấp công trình của các tỉnh thành lân cận và các dự án do Bộ GTVT tổ chức thực hiện. Bài toán chi phí vận chuyển không chỉ nằm ở mức giá thu sử dụng dịch vụ đường bộ phù hợp mà nằm ở nhiều khía cạnh khác nhau như: Nhiên liệu, thời gian lưu thông, cung đường vận chuyển và đặc biệt ảnh hưởng nhất là yếu tố khó khăn trong lưu thông phương tiện,... Công trình dự án BOT góp phần hoàn thiện mạng lưới phát triển giao thông về cơ bản đã giải quyết được vấn đề rút ngắn đáng kể thời gian vận tải; giảm hỏng hóc, giảm chi phí sửa chữa phương tiện, bên cạnh việc giảm thiểu rủi ro về tai nạn giao thông, êm thuận trong lưu thông vận tải. Chủ động kế hoạch vận tải của doanh nghiệp.

- Yếu tố giảm năng suất lao động được nhìn nhận tổng thể từ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, những ngành công nghiệp dịch vụ chiếm tỷ trọng thấp, nhất là ngành mũi nhọn như tài chính, tín dụng, du lịch. Theo thông tin từ Tổng cục Thống kê, hiện doanh nghiệp chưa thực sự là động lực quyết định tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế. Bên cạnh đó, tốc độ tăng năng suất lao động khu vực doanh nghiệp tăng thấp hơn tốc độ tăng của tiền lương bình quân một lao động khu vực doanh nghiệp. Bên cạnh đó, lao động trong khu vực nông nghiệp còn lớn, trong khi năng suất lao động ngành nông nghiệp thấp; máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ còn lạc hậu. Phần lớn doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp dân doanh đang sử dụng công nghệ tụt hậu 2-3 thế hệ so với mức trung bình của thế giới, trong đó 76% thiết bị máy móc, dây chuyền công nghệ nhập từ nước ngoài thuộc thế hệ những năm 1960-1970; 75% số thiết bị đã hết khấu hao; 50% thiết bị là đồ tân trang,... Việc công trình Dự án BOT nói riêng, kết quả phát triển mạng lưới giao thông đáng kể của tỉnh Bình Phước nói chung đang rất tích cực trong kết quả kêu gọi đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển ổn định và bền vững các ngành, nghề công nghiệp trong thời gian qua, đặc biệt là sự phù đầy, dài hạn tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hạ tầng giao thông của tỉnh đang là thế mạnh trong cạnh tranh và thu hút đầu tư trên diện rộng. Đặc biệt là trên các tuyến đường đạt chuẩn về mặt quy mô, khả năng khai thác vận tải như QL.13, QL.14 và tuyến ĐT.741, ...

- Về tính chất việc kinh doanh dịch vụ sử dụng đường bộ làm kim hãm sự phát triển ngày càng lớn mạnh của cộng đồng doanh nghiệp cần được nghiên cứu, nhìn nhận theo nhiều khía cạnh. Sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp dựa trên đặc tính cơ bản là cơ chế thu hút đầu tư, hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách quản lý hoạt động doanh nghiệp; tăng cường thực thi thể chế pháp luật; đẩy mạnh cải cách thủ

tục hành chính; nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, người dân; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền tới người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, pháp luật về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Kịp thời đưa tin về những mô hình tốt, cách làm hay cũng như những sai phạm, tồn tại, hạn chế trong thực thi chính sách, pháp luật;... Việc rút ngắn thời gian trong hoạt động sử dụng dịch vụ đường bộ đã hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin, phản ánh kiến nghị những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư được tốt hơn; đồng thời cũng phát huy hiệu quả không gian kết nối giữa các doanh nghiệp trong hợp tác phát triển trên cơ sở ổn định, bền vững và tính hiệu quả của mạng lưới giao thông thuận tiện.

- Người dân tham gia giao thông đặc biệt là người điều khiển phương tiện xe mô tô trên địa bàn tỉnh ta nói riêng, cả nước nói chung (loại phương tiện chiếm tỷ lệ là rất lớn không thuộc đối tượng thu phí) lưu thông trên các tuyến đường có kinh doanh dịch vụ sử dụng đường bộ có tín hiệu về sự hài lòng với sản phẩm đường bộ trong thời gian qua và có đánh giá tích cực trong tiến trình chung tay phát triển hạ tầng giao thông, tạo bước đột phá trong công cuộc hiện đại hóa đất nước. Vấn đề môi trường trong lưu thông phương tiện cũng được nâng tầm một cách đáng kể, đáp ứng rất tốt trong nhu cầu giao thông của nhân dân.

Bình Phước là một tỉnh còn "non trẻ", sau hơn 20 năm tái lập tỉnh đã có những bước chuyển mình trong cơ cấu chuyển dịch kinh tế, mặc dù còn nhiều khó khăn, thử thách nhưng lãnh đạo tỉnh luôn quyết tâm thực hiện cải cách, xây dựng và phát huy tối đa nhất nguồn nội lực của địa phương, luôn lắng nghe, tiếp nhận, xử lý những tồn tại, thực trạng trên mọi phương diện, mọi lĩnh vực; đặc biệt là đánh giá rất cao sự chia sẻ của nhân dân, của doanh nghiệp, tổ chức,... trong bối cảnh hạ tầng giao thông của tỉnh ta còn hạn chế về nguồn vốn NSNN trong đầu tư phát triển, đánh giá cao sự quan tâm của Doanh nghiệp trong đầu tư kinh doanh dịch vụ sử dụng đường bộ đã chung tay cùng nhà nước xây dựng, hoàn thiện mạng lưới giao thông.

b) Góc nhìn của doanh nghiệp về một số dự án BOT trên địa bàn tỉnh.

Thứ nhất là: Theo phản ánh tuyến ĐT.741 mà tỉnh có đến 6 trạm BOT là chưa đúng với thực tế đang quản lý, khai thác sử dụng. Như đã trình bày nêu trên thì 02 dự án BOT ĐT.741 đoạn qua địa bàn tỉnh có chiều dài 70Km được đầu tư xây dựng và sắp xếp 03 trạm BOT để thu hoàn vốn, tạo lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Về quy định đặt trạm trên tuyến đường tỉnh dựa trên cơ sở nghiên cứu khoa học, logic đảm bảo tính khả thi, tính thực tế của dự án và UBND tỉnh cũng đã báo cáo HĐND tỉnh thông qua theo quy định. Sản phẩm dịch vụ đường bộ cũng được lãnh đạo tỉnh, các Sở, ngành và Nhà đầu tư hết sức quan tâm, thường xuyên kiểm tra, xử lý đảm bảo êm thuận và phục vụ tốt nhu cầu vận tải, lưu thông của các phương tiện.

Thứ hai là: Đối với Dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương là công trình Dự án đầu tư hết sức phù hợp với xu thế kinh doanh dịch vụ đường bộ của các nước phát triển trên thế giới, đảm bảo quyền lựa chọn của người tham gia giao thông; phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông khu vực mà Chính phủ đã phê duyệt cũng như phát huy tối đa nguồn lực xã hội hóa theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trình tự tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định (Như

UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2959/UBND-KT ngày 08/10/2018). Tuy nhiên với vấn đề vấp phải là nút giao công trình Dự án vẫn chưa được Tổng cục Đồng bộ Việt Nam chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông do thiếu thủ tục về văn bản chính thức được Bộ GTVT chấp thuận cho phép đầu nối vào QL.14 (hoặc quy hoạch đường gom và điểm đầu nối vào quốc lộ được duyệt), mặc dù ngay từ bước chuẩn bị đầu tư tỉnh cũng đã phối hợp, báo cáo xin ý kiến Chính phủ các Bộ, ngành trung ương và nhận được phản hồi rất tích cực trong việc đồng thuận cho tỉnh triển khai đầu tư xây dựng công trình Dự án (tại Thông báo số 436/TB-VPCP ngày 05/12/2013 của Văn phòng Chính phủ; Bộ KH&ĐT cũng ủng hộ tỉnh thực hiện dự án đầu tư theo hình thức BOT tại Công văn số 317/BKHĐT-GDTĐĐT ngày 12/02/2015; Bộ GTVT có Công văn số 2393/BGTVT-ĐTCT ngày 27/02/2015); đặc biệt là được Bộ GTVT đồng thuận về điểm đầu nối của dự án vào QL.14 theo Thông báo số 690/TB-UBND ngày 08/7/2014. Quá trình duyệt và ký kết Phụ lục hợp đồng BOT dự án QL.14 đoạn cầu 38 đến Đồng Xoài, Bộ GTVT cùng Công ty CP Đức Thành Gia Lai cũng đã có Phương án tài chính trong đó xác định mức độ ảnh hưởng của Dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương khi đầu nối vào Dự án này (Mức độ giảm lưu lượng là 8,96%).

- Về tình hình giải quyết vấn đề chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông nút giao công trình Dự án vào QL.14 và kết quả phối hợp với Công ty CP Đức Thành Gia Lai để có cơ sở đánh giá mức độ ảnh hưởng về tác động lên yếu tố tài chính của Nhà đầu tư này, sớm tạo điều kiện trong đầu tư phát triển hạ tầng giao thông thúc đẩy phát triển vĩ mô về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Cụ thể như đã báo cáo, đề xuất kiến nghị tại Báo cáo số 206/BC-SGTVT ngày 25/12/2018 (đính kèm theo Báo cáo). Lãnh đạo tỉnh, Sở GTVT đã gửi thư mời làm việc, tuy nhiên với nhiều lý do, Công ty CP Đức Thành Gia Lai không tham dự và không phản hồi việc đăng ký làm việc với tỉnh như đề nghị của Sở. Đồng thời cũng chưa có phản hồi kết quả nghiên cứu như chỉ đạo của Bộ GTVT tại Công văn số 888/BGTVT-ĐTCT ngày 24/01/2018. Với tính chất có thể gây ảnh hưởng trong đầu tư của Doanh nghiệp này, lãnh đạo tỉnh vẫn đang chủ động tìm hướng giải quyết và cũng đề nghị Bộ GTVT tiếp tục quan tâm hỗ trợ Doanh nghiệp trong vấn đề rà soát, nghiên cứu mức độ ảnh hưởng, thống nhất phương án xử lý trong bối cảnh Doanh nghiệp chưa tích cực phối hợp, tổ chức thực hiện.

- Về nhận định theo phản ánh liên quan đến việc dự kiến năm 2020 mức độ giảm lưu lượng 70% đến 80% qua trạm BOT QL.14 tại Km957+000 do tác động từ Dự án đường Đồng Phú – Bình Dương là chưa có cơ sở, căn cứ nghiên cứu khoa học và thực tế. **Lý do:** UBND tỉnh vẫn đang chỉ đạo quyết liệt trong thực hiện dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương theo đúng mục tiêu của cả hệ thống chính trị đã đặt ra, với những khó khăn lớn nhất mà tiến trình đầu tư gặp phải là ở công tác GPMB của tuyến đường hoàn toàn mới mặc dù các bên liên quan đã tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện, đồng thời Nhà đầu tư cũng đang làm việc với các tổ chức tín dụng để được giải ngân nguồn vốn vay đầu tư dự án đảm bảo theo quy định, với vấn đề đầu nối công trình dự án vào QL.14 đang là một rào cản lớn cho Nhà đầu tư. Do đó, việc dự kiến thời điểm ảnh hưởng đến năm 2020 là hoàn toàn chưa có tính căn cứ. Về mức độ giảm lưu lượng lại là một bài toán mà Sở GTVT cùng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan đã

tổ chức nghiên cứu khi lập Dự án đầu tư với kết quả phân tích, khảo sát phỏng vấn, vận dụng số liệu chiến lược của các Viện khoa học, sau đó cùng Nhà đầu tư rà soát, đánh giá lại để có cơ sở lập phương án tài chính, đảm bảo tính khả thi của Dự án đầu tư; đồng thời Bộ GTVT cùng Công ty CP Đức Thành Gia Lai cũng đã có đánh giá mức độ này là vào khoảng 8,96%; để thực tế hơn Bộ GTVT vẫn đang yêu cầu Công ty CP Đức Thành Gia Lai nghiên cứu, xác định các chỉ tiêu, thông số tài chính và mức độ ảnh hưởng của các Công trình giao kết liên quan, sớm lập điều chỉnh phương án tài chính dự án như đã chỉ đạo tại Công văn số 888/BGTVT-ĐTCT ngày 24/01/2018 và các quy định của Hợp đồng BOT. Do đó việc sử dụng mức giảm 70-80% lưu lượng qua trạm BOT QL.14 đoạn Km957+000 cần được xem xét thận trọng khi nhận định vấn đề.

- Về các phương án giải quyết đặt ra hoàn toàn là các giả thiết, tình huống trình bày, báo cáo đề xuất để được cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo nghiên cứu sâu làm cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định, đảm bảo lợi ích của nhân dân, của nhà nước và của cả các Nhà đầu tư BOT. Trong đó, các phương án đều xây dựng trên cơ sở đảm bảo cho đối tượng sử dụng dịch vụ đường bộ có quyền lựa chọn tuyến đường vận tải mà mức giá dịch vụ phù hợp với sản phẩm đường bộ cung cấp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về khoảng cách đặt trạm của 02 dự án hoàn toàn độc lập, dự án đường Đồng Phú – Bình Dương là công trình hoàn toàn mới, cũng không phải là tuyến độc đạo, do đó việc chấp nhận lưu thông trên tuyến đường Đồng Phú – Bình Dương hoàn toàn phù thuộc vào quyền lựa chọn của đối tượng sử dụng dịch vụ đường bộ; đồng thời với kế hoạch, tiến trình tổ chức thực hiện việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm BOT theo Quyết định số 07/2017/QĐ-TTg ngày 27/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ sẽ đảm bảo tăng tính thuận tiện trong lưu thông dòng phương tiện, góp đảm bảo an ninh – trật tự, giảm thiểu chi phí quản lý, công khai minh bạch giữ vững niềm tin của nhân dân và nâng cao đời sống của nhân dân, đặc biệt là nhân dân trong vùng dự án.

2. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương trong vấn đề rà soát các dự án giao thông BOT.

Giám sát đầu tư và tổ chức đánh giá kết quả đầu tư, đặc biệt là trong hoạt động đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT đối với các Dự án đã triển khai thực hiện nằm trong nhiệm vụ trọng tâm, kế hoạch quan trọng mà lãnh đạo tỉnh hết sức quan tâm, chỉ đạo kiểm tra, rà soát một cách sát sao và kịp thời tìm ra hướng xử lý, giải quyết những vướng mắc khó khăn trong thực hiện; mọi nhiệm vụ phải đảm bảo lợi ích của nhân dân, hài hòa lợi ích của doanh nghiệp trong đầu tư.

Ngay từ những ngày đầu thực hiện đầu tư công trình giao thông theo hình thức BOT trên địa bàn tỉnh, việc báo cáo và đề xuất cấp có thẩm quyền hướng dẫn giải quyết trong cơ chế, chính sách thực hiện loại hình đầu tư PPP (hình thức đầu tư khá mới mẻ với nước ta, trên tỉnh nhà cũng mới chỉ nghiên cứu, áp dụng thực hiện từ đầu năm 2002) được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện theo diễn biến liên tục. Xuyên suốt quá trình thực hiện, các dự án BOT thường xuyên được báo cáo và cung cấp số liệu quản lý đầu tư về cho các Bộ, ngành (Bộ KH&ĐT, Bộ GTVT, Bộ Tài chính,...) theo yêu cầu hàng năm. Như đã trình bày nêu trên, 03 trạm thu phí BOT trên tuyến QL.13 đã được triển khai thu hoàn vốn cho Nhà đầu tư điều kiện tiên quyết là phải báo cáo và

12/12/2018
HỒ TÀI

được sự chấp thuận của Bộ GTVT và Bộ Tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật; 02 dự án BOT ĐT.741 cũng được sự kiểm tra giám sát hết sức chặt chẽ của HĐND tỉnh cùng các cơ quan, đơn vị hữu quan. Việc công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh dịch vụ được UBND tỉnh chỉ đạo tích cực trong đó thường xuyên rà soát, kiểm tra thực hiện với tinh thần trách nhiệm, khẩn trương. Song song đó, giao Sở GTVT chủ trì, phối hợp tổ chức xác định các thông số tài chính tính toán thời gian thu hoàn vốn còn lại cho từng Dự án, mức giá thu phù hợp (*Tổ chức kiểm, đếm lưu lượng phương tiện, phối hợp xác định giá trị đầu tư còn lại của Nhà đầu tư theo từng dự án, ...*), đồng thời tham mưu xây dựng Dự án điều chỉnh đảm bảo khả năng khai thác công trình đường bộ, phục vụ tốt nhất cho nhu cầu vận tải, lưu thông của nhân dân.

Thời gian qua, được sự quan tâm hết sức sâu sắc của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương trong việc giải quyết bài toán về đầu tư BOT trên tuyến QL.14 đoạn đi qua địa bàn tỉnh Bình Phước do khó khăn về việc sắp xếp, bố trí trạm BOT bằng chủ trương chuyển đổi hình thức đầu tư sang sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ (*02 dự án BOT QL. 14 đoạn Cây Chanh – cầu 38 và đoạn Đồng Xoài – Chơn Thành được chuyển đổi hình thức đầu tư theo chủ trương tại Công văn số 1435/TTg-KTN ngày 09/9/2013 của Chính phủ*).

Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ theo nội dung Công văn số 4139/VPCP-CN ngày 07/5/2018, UBND tỉnh đã báo cáo cụ thể tình hình, trình tự thực hiện đầu tư xây dựng dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương theo Công văn số 2925/UBND-KT ngày 08/10/2018. Đến nay, với thời gian thu hoàn vốn, tạo lợi nhuận tại các trạm BOT đang được triển khai theo đúng nội dung Hợp đồng BOT, trong đó UBND tỉnh cũng đang tổ chức xây dựng Quy định về lộ trình triển khai thu theo mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng đối với các dự án BOT do UBND tỉnh Bình Phước là cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Qua kênh trả lời kiến nghị cử tri, Sở GTVT cũng đã kịp thời phúc đáp, tham mưu phản hồi những phản ánh của nhân dân liên quan đến việc bố trí 01 dự án 02 trạm BOT, từ đó cũng đã nhận được sự chia sẻ của nhân dân, nhận được tín hiệu tích cực trong luồng phương tiện lưu thông qua trạm luôn được ổn định, thông suốt.

Quá trình quản lý nguồn thu được Cơ quan Thuế, Sở GTVT, Kho bạc tỉnh và các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện kiểm tra theo đúng ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, bên cạnh đó việc giám sát thông qua thiết bị, phương tiện điện tử của từng trạm BOT và kết quả Báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp, Báo cáo kiểm toán độc lập trong hoạt động quản lý, vận hành dự án (Kiểm toán thu – chi) được tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ, có những đợt kiểm tra được Ban KTNS của HĐND tỉnh đánh giá rất cao trong quản lý tài chính của Nhà đầu tư, giám tránh thất thoát, đảm bảo tính khả thi của dự án theo đúng mục tiêu đầu tư, tuân thủ các quy định của pháp luật. Đặc biệt không có tình trạng tổ chức thu phí chồng chéo, vô tội vạ thiếu minh bạch như phản ánh của Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Phước.

V. Bài học kinh nghiệm và giải pháp.

Trong quá trình tình kêu gọi, thực hiện đầu tư công trình giao thông theo hình thức BOT đã gặt hái được thành công to lớn so sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, thì bên cạnh đó mặt hạn chế khó tránh khỏi từ góc nhìn của nhân

dân về số lượng trạm BOT trên 01 tuyến đường hay một dự án phải đặt 02 trạm BOT. Qua triển khai thực hiện, có thể nhận thấy rõ công tác tuyên truyền của Nhà đầu tư và chính quyền địa phương đối với người dân cũng chưa được tổ chức thuyết phục, đầy đủ. Người dân hiện nay vẫn đang nhìn các dự án, công trình BOT với tính chất là công trình do Nhà nước làm, vì công tác tổ chức giải phóng mặt bằng cho các công trình này là Nhà nước thực hiện (nguồn vốn hầu hết do Nhà đầu tư bố trí). Vì thế, so sánh với các công trình được thực hiện bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ hay ngân sách nhà nước thì người dân thấy rõ ràng, các công trình BOT thu phí hoàn vốn, **tạo lợi nhuận cho Nhà đầu tư** nên dễ phát sinh tâm lý bức xúc cũng là điều dễ hiểu.

Trong khi chưa tạo được sự thống nhất về nhận thức, đồng thuận về chủ trương nhưng với định hướng và chiến lược tạo bước đột phá về kinh tế - chính trị, xã hội và an ninh - quốc phòng, tỉnh đã đặt trọng tâm trong việc phát triển mạnh mẽ mạng lưới giao thông và đã kêu gọi đầu tư, triển khai thực hiện trong thời gian ngắn với 04 dự án BOT trên địa bàn đã phần nào gây bối rối cho nhân dân trong vấn đề tiếp nhận sản phẩm dịch vụ đường bộ được cung cấp.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là phần vốn phải đi vay của Nhà đầu tư theo quy định là khá lớn dẫn đến khi đã đi vay vốn ngân hàng thì Nhà đầu tư phải trả lãi, dẫn đến phát sinh chi phí đầu tư tăng cao so với việc doanh nghiệp sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi của mình hoặc nguồn vốn tự huy động trong dân để đầu tư. Bên cạnh đó chịu sự chi phối của nhiều luật, quy định chi phối đầu tư không đồng bộ, chưa đầy đủ trong buổi ban đầu thực hiện đầu tư.

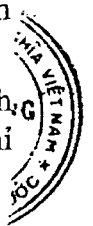
Từ những ảnh hưởng trên, có thể nhận thấy việc định hướng lựa chọn, tổ chức triển khai dự án đầu tư theo hình thức BOT cần được nghiên cứu, tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư để có được sự đồng thuận, nhất trí từ trong nhân dân; đánh giá cụ thể mức độ ảnh hưởng đến Phương án tài chính giữa dự án này với dự án khác; luôn thực hiện tốt việc công khai minh bạch dự án đầu tư ngay từ bước chuẩn bị đến khi hoàn thành kinh doanh, chuyển giao về cho cơ quan nhà nước; kiến nghị đến cấp có thẩm quyền những tồn tại phát sinh, những vướng mắc để kịp thời hoàn thiện khung pháp lý trong đầu tư; ưu tiên đầu tư cung đường mới nằm trong quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông, đặc biệt ưu tiên doanh nghiệp có khả năng tài chính mạnh về nguồn vốn chủ sở hữu lớn (nguồn vốn vay thấp);...

Trên đây là báo cáo, tham mưu xử lý nội dung phản ánh của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Phước. Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Sở;
- Lưu VT, P.KCHT (Khoa)

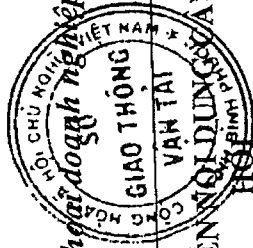
GIÁM ĐỐC



4

KẾ HOẠCH ĐỐI THOẠI DOANH NGHIỆP (DỰ THẢO)

Đối thoại doanh nghiệp trong vấn đề liên quan đến các dự án giao thông đầu tư theo hình thức BOT trên địa bàn tỉnh Bình Phước



STT	DỰ KIẾN NGUYỄN DUNG CHÁU	TRẢ LỜI CÂU HỎI	DỰ KIẾN CÁ NHÂN, ĐƠN VỊ TRẢ LỜI	GHI CHÚ
A	Các dự án đã triển khai, đặt trạm BOT thu hoàn vốn, tạo lợi nhuận cho Nhà đầu tư			
1	Tại sao lại có mật độ trạm BOT dày đặc trên 02 tuyến QL.13 và ĐT.741 như hiện nay?	- Trạm BOT đầu tiên được UBND tỉnh chấp thuận triển khai thu phí trên địa bàn tỉnh là vào tháng 8/2003 đặt tại Km50+300 trên ĐT.741 thuộc xã Tân Lập, huyện Đồng Phú để thu hoàn vốn, tạo lợi nhuận cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BOT ĐT.741 đoạn Bàu Tru – Đồng Xoài sau khi công trình dự án này hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng. Cho đến nay, tỉnh đã hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng và chấp thuận cho triển khai thu hoàn vốn được 04 dự án BOT, với chiều dài hơn 128Km có quy mô mặt đường tối thiểu là 19m (tối thiểu là 04 làn xe cơ giới). - Bằng nghiên cứu khoa học, đảm bảo phù hợp với thực tế, đảm bảo lợi ích của nhân dân, của xã hội; lợi ích của doanh nghiệp và đảm bảo phù hợp theo quy định, 04 dự án trên được đặt 06 trạm BOT, bao gồm: + Trên tuyến QL.13 có 02 Dự án BOT với chiều dài công trình đầu tư là hơn 59Km, được Bộ Tài chính, Bộ GTVT chấp thuận vị trí và đặt 03 trạm BOT theo thỏa thuận của UBND tỉnh (UBND tỉnh đã thỏa thuận đảm bảo theo quy định tại Thông tư 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ Tài chính). Trong đó, Dự án BOT QL.13 đoạn Tham Rót đến Bình Long, dài 32,3Km được đặt 02 trạm và dự án BOT QL.13 đoạn An Lộc – Chử Riu dài 26,75Km được sử dụng 01 trạm BOT. + Tuyến ĐT.741 có 02 Dự án BOT với chiều dài 69Km, quá trình đầu tư theo Hợp đồng BOT đã ký kết và được UBND tỉnh thông qua việc sắp xếp 03 trạm BOT để thu hoàn vốn, tạo lợi nhuận cho 02 Dự án này. Trong đó, Dự án BOT ĐT.741 đoạn Bàu Tru đến Đồng Xoài chỉ được tổ chức thu tại 01 trạm cho công trình Dự án có chiều dài 23,21Km; đối với Dự án BOT ĐT.741 đoạn Đồng Xoài đi Phước Long, với chiều dài 45,78Km đi qua nhiều trung tâm hành chính, kinh tế và là tuyến giao cắt với nhiều tuyến đường tỉnh (ĐT.757, ĐT.758, ĐT.759,...) và các tuyến đường liên huyện, do đó để đảm bảo bảo tính khả thi, Dự án đã được thông		

		qua việc tổ chức thu hoàn vốn tại 02 trạm BOT. Về nguyên tắc xác định vị trí, số lượng đặt trạm của các Dự án BOT trên tuyến QL.13 và ĐT.741 đoàn quan địa bàn tỉnh phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận do chưa đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa 02 trạm là 70Km theo quy định trước đây (trong đó Bộ GTVT, Bộ Tài chính chấp thuận đối với Dự án trên tuyến QL; UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quyết định đối với đường địa phương); đặc biệt về mức thu tại các trạm BOT cũng phải được HĐND tỉnh thông qua.		
2	Tại sao riêng tuyến ĐT.741 từ Phước Long về Tp. Hồ Chí Minh dài 150Km nhưng đặt đến 6 trạm BOT, mật độ như vậy là quá dày đặc và chưa đúng với quy định về khoảng cách đặt trạm tại Thông tư 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ Tài chính?	- Tuyến ĐT.741 đoạn qua địa bàn tỉnh có 02 Dự án đầu tư BOT với chiềudài hơn 69Km và được tổ chức thu hoàn vốn, tạo lợi nhuận cho Nhà đầu tư tại 03 trạm BOT kết nối với 01 trạm BOT ĐT.741 thuộc Dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Dương (Dự án đoạn Km21+800 đến Km49+532). Như vậy về số trạm BOT trên tuyến ĐT.741 là 04 trạm, chứ không phải là 06 trạm BOT như phản ánh. 02 trạm BOT còn lại thuộc tuyến QL.13 đoạn qua tỉnh Bình Dương. - Về quy định khoảng cách đặt trạm theo Thông tư 159/2013/TT-BTC ngày 14/11/2013 của Bộ Tài chính. Tại khoản 2, điều 2 của Thông tư nêu rõ "Trường hợp đường bộ đặt trạm thu phí không thuộc quy hoạch hoặc khoảng cách giữa các trạm thu phí không đảm bảo tối thiểu 70 km trên cùng tuyến đường thì trước khi xây dựng trạm thu phí, Bộ Giao thông vận tải thống nhất ý kiến với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tài chính quyết định (đối với đường quốc lộ), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định (đối với đường địa phương)" Căn cứ theo quy định trước đây, thời điểm xác định vị trí và số lượng đặt trạm BOT, UBND tỉnh đã chỉ đạo sát sao và phải có báo cáo đề Bộ GTVT, Bộ Tài chính thống nhất thông qua cho việc sắp xếp, bố trí 03 trạm BOT trên tuyến QL.13 và HĐND tỉnh thông qua 03 trạm BOT trên tuyến ĐT.741 nhằm đảm bảo điều kiện nêu trên theo quy định.		
3	Tỉnh đã thực hiện rà soát, báo cáo và giám sát đầu tư trong quá trình thực hiện chưa? Quá trình tổ chức thực hiện như thế nào?	Với chất chất "nóng" của các Dự án BOT trên cả nước nói chung trong thời gian qua, cũng với tình hình thực hiện đầu tư xây dựng công trình Dự án trong bối cảnh hạn hẹp về nguồn vốn NSNN, chủ trương xã hội hóa nguồn vốn từ trong nhân dân khi các công trình thuộc trường hợp đường bộ đặt trạm thu phí chưa đảm bảo khoảng cách giữa các trạm thu phí tối thiểu 70 km trên cùng tuyến đường. Không chỉ trong, thời gian gần đây mà trong suốt quá trình thực hiện đầu tư, quản lý khai thác công trình Dự án, UBND tỉnh đã thường xuyên chỉ đạo, giao Sở GTVT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan cùng các Nhà đầu tư rà soát,		

đánh giá, báo cáo kết quả đầu tư để thương xuyên cập nhật, xác định giá trị đầu tư, thời gian thu hoàn vốn còn lại và các thông số, chỉ tiêu tài chính thực tế, dự báo tiệm cận nhất về mặt thời gian làm cơ sở lập điều chỉnh Phương án tái chính của từng Dự án, trong đó mọi Phương án phải đảm bảo lợi ích của nhân dân, hài hòa lợi ích của doanh nghiệp trong đầu tư. Đồng thời thực hiện báo cáo và cung cấp số liệu quản lý đầu tư về cho các Bộ, ngành (Bộ KH&ĐT, Bộ GTVT, Bộ Tài chính,...) theo yêu cầu hàng năm.

Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo, Sở GTVT đã chủ trì, phối hợp tổ chức xác định các thông số tài chính tính toán thời gian thu hoàn vốn còn lại cho từng Dự án, mức giá thu phù hợp (*Tổ chức kiểm, đếm lưu lượng phương tiện, phối hợp xác định giá trị đầu tư còn lại của Nhà đầu tư theo từng dự án,...*), đồng thời tham mưu xây dựng Dự án điều chỉnh theo chủ trương của lãnh đạo tỉnh đảm bảo khả năng khai thác công trình đường bộ, phục vụ tốt nhất cho nhu cầu vận tải, lưu thông của nhân dân.

Thời gian qua, được sự quan tâm hết sức sâu sắc của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương trong việc giải quyết bài toán về đầu tư BOT trên tuyến QL.14 đoạn đi qua địa bàn tỉnh Bình Phước do khó khăn về việc sắp xếp, bố trí trạm BOT bằng chủ trương chuyển đổi hình thức đầu tư sang sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ (*02 dự án BOT QL.14 đoạn Cây Chanh - cầu 38 và đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành được chuyển đổi hình thức đầu tư theo chủ trương tại Công văn số 1435/TTg-KTN ngày 09/9/2013 của Chính phủ*).

Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ theo nội dung Công văn số 4139/VPCP-CN ngày 07/5/2018, UBND tỉnh đã báo cáo cụ thể tình hình, trình tự thực hiện đầu tư xây dựng dự án BOT đường Đồng Phú - Bình Dương theo Công văn số 2925/UBND-KT ngày 08/10/2018. Đến nay, với thời gian thu hoàn vốn, tạo lợi nhuận tại các trạm BOT đang được triển khai theo đúng nội dung Hợp đồng BOT, trong đó UBND tỉnh cũng đang tổ chức xây dựng Quy định về lộ trình triển khai thu theo mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng đối với các dự án BOT do UBND tỉnh Bình Phước là cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Qua kênh trả lời kiến nghị cử tri, Sở GTVT cũng đã kịp thời phúc đáp, tham mưu phản hồi những phản ánh của nhân dân liên quan đến việc bố trí 01 dự án 02 trạm BOT, từ đó cũng

		đã nhận được sự chia sẻ của nhân dân, nhận được tín hiệu tích cực trong luồng phương tiện lưu thông qua trạm luôn được ổn định, thông suốt. Quá trình quản lý nguồn thu được Cơ quan Thuế, Sở GTVT, Kho bạc tỉnh và các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện kiểm tra theo đúng ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, bên cạnh đó việc giám sát thông qua thiết bị, phương tiện điện tử của trạm BOT và kết quả Báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp, Báo cáo kiểm toán độc lập trong hoạt động quản lý, vận hành dự án (Kiểm toán thu – chi) được tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ, có những đợt kiểm tra được Ban KTNS của HEDND tỉnh đánh giá rất cao trong quản lý tài chính của Nhà đầu tư, giám tránh thất thoát, đảm bảo tính khả thi của dự án theo đúng mục tiêu đầu tư, tuân thủ các quy định của pháp luật. Đặc biệt không có tình trạng tổ chức thu phí chồng chéo, vô tội và thiếu minh bạch như phản ánh của Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Phước.		
B	Dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương giai đoạn I			
1	Dự án đầu tư đã phù hợp với quy hoạch chưa?	Tuyến đường mới Đồng Phú – Bình Dương đi qua địa bàn tỉnh Bình Phước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2055/QĐ-TTg ngày 23/11/2015 nằm trong quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Tuyến đường cũng được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014. Thực hiện quy hoạch đồng bộ, kết nối hạ tầng khu vực với tuyến đường Bắc Tân Uyên – Phú Giáo – Bàu Bàng theo quy hoạch của tỉnh Bình Dương (02 tỉnh cũng đã thống nhất phương án kết nối cụ thể làm cơ sở cho tiến trình triển khai thực hiện công trình xây dựng).		
2	Vì sao lựa chọn đầu tư bằng hình thức BOT, mà không sử dụng nguồn vốn NSNN hay đầu tư bằng hình thức khác?	Xác định dự án đường Đồng Phú – Bình Dương là một dự án trọng điểm của tỉnh Bình Phước nói riêng và nhận thức được tầm quan trọng của dự án có tính liên kết vùng. Vì vậy, trong chuyến thăm và làm việc với lãnh đạo tỉnh Bình Phước, lãnh đạo tỉnh đã có kiến nghị Thủ tướng Chính phủ - Nguyễn Tấn Dũng và nhận được ý kiến chấp thuận tại Thông báo số 436/TB-VPCP ngày 05/12/2013. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng ủng hộ		

	Tỉnh thực hiện dự án đầu tư theo hình thức BOT tại văn bản số 317/BKHĐT-GDTĐĐT ngày 12/02/2015; Bộ Giao thông vận tải có văn bản số 2393/BGTVT-ĐTCT ngày 27/02/2015, qua đó thống nhất cho Tỉnh kêu gọi thực hiện dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT. Dự án đã nằm trong kế hoạch phát triển mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh nhưng do ngân sách hạn hẹp không bố trí được nguồn vốn để xây dựng một tuyến đường có Tổng mức đầu tư lớn (hơn 1.000 tỷ đồng, chiều dài khoảng 42km), do đó Lãnh đạo tỉnh đã chủ trương xã hội hóa giao thông, kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) và được sự đồng thuận cao của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải. Định hướng lựa chọn hình thức đầu tư, gồm: - Đầu tư theo hình thức BT: Do dự án có kinh phí lớn ngân sách của tỉnh cũng không thể thu xếp vốn được trong thời gian ngắn để trả cho doanh nghiệp sau khi đã hoàn thành dự án. Mặt khác phần lớn tuyến đường theo quy hoạch đi qua Khu Đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp Đồng Phú nên không thể giao đất bằng quỹ đất đã GPMB hai bên tuyến. - Đánh giá tuyến đường là một công trình giao thông hoàn toàn được xây dựng mới, bổ sung thêm một cung đường trên bản đồ mạng lưới giao thông, mang đến thêm sự lựa chọn cho nhân dân khi tham gia hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là phù hợp với đường lối, xu hướng chung, đã và đang được các doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực khai thác dịch vụ đường bộ có năng lực ủng hộ (đầu tư thêm tuyến song hành). Vì vậy việc đầu tư xây dựng tuyến đường mới Đồng Phú – Bình Dương theo hình thức Hợp đồng xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) là lựa chọn phù hợp nhất. Sau khi đánh giá đảm bảo điều kiện lựa chọn dự án theo quy định tại Điều 15, Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GTVT cùng các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức hoàn thiện thủ tục chuẩn bị dự án đầu tư, lập, thẩm định trình phê duyệt Đề xuất dự án đảm bảo theo quy định. Ngày 05/4/2016, UBND tỉnh Bình Phước đã phê duyệt Đề xuất dự án đầu tư xây dựng	
--	--	--

		đường Đồng Phú – Bình Dương, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước theo hình thức BOT giai đoạn 1 tại Quyết định số 761/QĐ-UBND.		
3	Trình tự thủ tục thực hiện có đảm bảo theo quy định?	Như UBND tỉnh đã có báo cáo theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trình Đình Dũng và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải theo nội dung Công văn số 2959/UBND-KT ngày 08/10/2019. Đến nay, sau khi nghiên cứu, các Bộ, ngành trung ương đánh giá cao kết quả triển khai trình tự thủ tục dự án đầu tư đảm bảo theo quy định. Cụ thể, qua đây xin thông tin thêm như sau: 1. Chuẩn vị dự án đầu tư trước khi Đề xuất dự án được duyệt UBND tỉnh đã giao Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước là Chủ đầu tư có trách nhiệm lập, trình phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư tại Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 16/4/2014. Thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư trong công tác chuẩn bị dự án đầu tư: Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước đã triển khai lập, trình thẩm định, phê duyệt các bước thực hiện trước khi Đề xuất dự án được duyệt theo quy định. Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ Đề xuất dự án, trình Sở Giao thông vận tải (cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì thẩm định tại văn bản số 53/UBND-KTN ngày 11/01/2016). 2. Đề xuất dự án Nội dung đề xuất dự án phù hợp theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 05/4/2016. 3. Công bố dự án Sở Giao thông vận tải đã thực hiện công bố dự án trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Địa chỉ tên Website: http://muasamcong.mip.gov.vn/main/buyer_index.html Mã CBDMDA: 20160401711 -00 4. Lập, trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện lập, thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đảm bảo theo quy định. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm Phương án tài chính)		

thực hiện theo quy định cụ thể tại Điều 25, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ và phù hợp theo Điều 58, Luật Xây dựng.

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 14/4/2016. Và phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 (Lý do điều chỉnh: *Nấn chỉnh đoạn đầu nối cuối tuyến công trình theo kết quả làm việc với UBND tỉnh Bình Dương theo Thông báo số 56/TB-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh Bình Dương; được UBND tỉnh Bình Phước thống nhất tại Văn bản số 2935/UBND-KTN ngày 30/8/2017*), việc điều chỉnh phù hợp theo quy định tại Điều 28, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ.

Trong đó: Về cơ cấu nguồn vốn chủ sở hữu và vốn huy động của nhà đầu tư đảm bảo theo quy định tại Điều 10, Nghị định 15/2015/NĐ-CP. Thời gian thi công xây dựng là 04 năm, Phương án tài chính với thông số tính toán với 02 trạm BOT, thời gian thu hoàn vốn và tạo lợi nhuận cho dự án là 25 năm, đánh giá đảm bảo về khả năng và tính hình thu xếp tài chính của Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện được lựa chọn.

5. Đánh giá tác động môi trường, Giám sát đầu tư của cộng đồng

Dự án cũng đã được tổ chức lập, thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 21/4/2016. Đồng thời dự án cũng đã được UBNDTTQ Việt Nam tính tổ chức thực hiện nội dung Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định tại Điều 82 của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, trên cơ sở đánh giá dự án có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư trong vùng dự án. Kết quả nhận được sự đồng thuận, nhất trí của nhân dân, đặc biệt là trong công tác đền bù, GPMB đến nay đã hoàn thành song việc kiểm kê, áp giá, thông báo thu hồi đất và thực hiện chi trả theo quy định từ nguồn vốn của Nhà đầu tư được lựa chọn (*Hiện nay, Nhà đầu tư đang tạm ngừng bố trí vốn do vướng mắc về thủ tục đầu nối công trình dự án vào Quốc lộ 14 tại Km946+000, trái tuyến*). Về vị trí và số lượng đặt trạm không có phản ánh nào từ nhân dân trong vùng dự án triển khai thực hiện kể từ sau khi dự án được công bố.

6. Lựa chọn Nhà đầu tư

UBND tỉnh đã ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải tổ chức lựa chọn

nhà đầu tư, ký kết thực hiện Hợp đồng dự án (Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 19/4/2016). Trên cơ sở đó, Sở Giao thông vận tải đã thực hiện trình tự tổ chức lựa chọn Nhà đầu tư theo quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ. Hình thức lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện theo trình tự:

- Sơ tuyển nhà đầu tư: Sở Giao thông vận tải phê duyệt HSMST và thời gian tổ chức sơ tuyển nhà đầu tư theo Quyết định số 231/QĐ-SGTVT ngày 21/4/2016; đăng trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, được Bảo đầu thầu ra theo số 74 (2404) thứ 2 ngày 25/4/2016; tiếp đó có Quyết định số 354/QĐ-SGTVT ngày 27/6/2016 về phê duyệt kết quả sơ tuyển, danh sách ngắn nhà đầu tư tham gia thực hiện dự án;

- Kế hoạch và kết quả lựa chọn nhà đầu tư: Sau khi thực hiện bước sơ tuyển nhà đầu tư theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, trong đó: Thực hiện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư tại Quyết định số 398/QĐ-SGTVT ngày 29/7/2016; phê duyệt hồ sơ yêu cầu, thời gian tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại Quyết định số 401/QĐ-SGTVT ngày 01/8/2016; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư tại Quyết định số 655/QĐ-SGTVT ngày 09/12/2016 (kèm theo Thư cam kết cấp tin dùng số 218/TCK-BIDV.BP ngày 21/10/2016 và Bảo lãnh dự thầu số 759/TBL-BIDV.BP ngày 21/10/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Bình Phước). Với Nhà đầu tư đạt kết quả lựa chọn là Công ty CP BOT đường Đồng Phú – Bình Dương.

7. Ký kết thỏa thuận đầu tư và ký kết Hợp đồng dự án

Ngày 27/7/2016, Sở Giao thông vận tải và Nhà đầu tư đã thực hiện đàm phán Hợp đồng, ký kết thỏa thuận dự án đầu tư; kèm theo dự thảo Hợp đồng dự án với nội dung phù hợp theo quy định, được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến góp ý của các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan.

Trên cơ sở dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được UBND tỉnh cấp lần đầu ngày 14/02/2017, Mã số dự án: 2841627850, thỏa thuận đã được 02 bên ký kết. Sở Giao thông vận tải cùng Nhà đầu tư đã tiến tới ký kết Hợp đồng dự án BOT số 01/2017/HD.BOT-SGTVT ngày 16/3/2017.

8. Triển khai thực hiện dự án

Sau khi Hợp đồng dự án BOT được ký kết, Nhà đầu tư đã tổ chức thực

		hiện các bước tiếp theo đúng trình tự, hướng dẫn thực hiện theo quy định tại Chương VII, Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ. Đến nay, đã thực hiện hoàn thiện các gói thầu thiết kế xây dựng, ngoại trừ phạm vi nút giao đầu tuyến của công trình dự án đầu nối vào tuyến quốc lộ 14 tại Km946+000 đang cần được sự chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải để hoàn thiện hồ sơ thiết kế - phương án tổ chức giao thông, chấp thuận cấp phép thi công nút giao theo quy định của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.		
4	Tình hình thực hiện Dự án và những khó khăn, vướng mắc còn tồn tại?	Đến nay, Nhà đầu tư đã tổ chức thi công được hơn 8,5Km nền hạ trong phạm vi mặt bằng được bàn giao. Tuy nhiên do những khó khăn từ công tác GPMB, tái định cư và việc Công trình dự án chưa được Tổng cục ĐBVN chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức an toàn giao thông nút giao đầu nối vào quốc lộ 14, tại Km946+000, trái tuyến (Hướng Bù Đãng về Đồng Xoài) ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư, cũng như khả năng tiếp cận nguồn vốn vay của doanh nghiệp. Mặc dù ngay từ bước chuẩn bị đầu tư tình cũng đã phối hợp, báo cáo xin ý kiến Chính phủ các Bộ, ngành trung ương và nhận được phản hồi rất tích cực trong việc đồng thuận cho tình triển khai đầu tư xây dựng công trình Dự án (tại Thông báo số 436/TB-VPCP ngày 05/12/2013 của Văn phòng Chính phủ; Bộ KH&ĐT cũng ủng hộ tình thực hiện dự án đầu tư theo hình thức BOT tại Công văn số 317/BKHĐT-GDTĐĐT ngày 12/02/2015; Bộ GTVT có Công văn số 2393/BGTVT-ĐTCT ngày 27/02/2015); đặc biệt là được Bộ GTVT đồng thuận về điểm đầu nối của dự án vào QL.14 theo Thông báo số 690/TB-UBND ngày 08/7/2014. Để giải quyết vấn đề chấp thuận đầu nối cần được các bên có liên quan xem xét đánh giá mức độ ảnh hưởng giữa 02 Dự án BOT (đường Đồng Phú - Bình Dương và QL.14 đoạn cầu 38 đến Đồng Xoài). Lãnh đạo tỉnh, Sở GTVT đã gửi thư mời làm việc, tuy nhiên với nhiều lý do, Công ty CP Đức Thành Gia Lai là Nhà đầu tư dự án BOT QL.14 đoạn cầu 38 đến Đồng Xoài không tham dự và không phản hồi việc đăng ký làm việc với tỉnh như đề nghị của Sở. Đồng thời cũng chưa có phản hồi kết quả nghiên cứu như chỉ đạo của Bộ GTVT tại Công văn số 888/BGTVT-ĐTCT ngày 24/01/2018. Với tính chất có thể gây ảnh hưởng trong đầu tư của Doanh nghiệp này, lãnh đạo tỉnh vẫn đang chủ động tìm hướng giải quyết và		

		cũng đề nghị Bộ GTVT tiếp tục quan tâm hỗ trợ Doanh nghiệp trong vấn đề rà soát, nghiên cứu mức độ ảnh hưởng, thống nhất phương án xử lý trong bối cảnh Doanh nghiệp chưa tích cực phối hợp, tổ chức thực hiện. Sau khi được Bộ GTVT chấp thuận đầu nói trên cơ sở thống nhất hướng xử lý của các bên, Công trình dự án sẽ khẩn trương hoàn thành, đảm bảo theo đúng thời gian thi công xây dựng đã đề ra (thi công xây dựng công trình trong 04 năm).		
5	Mức độ ảnh hưởng đến Dự án BOT QL.14 đoạn cầu 38 – Đồng Xoài là như thế nào? Về vị trí và số lượng đặt trạm của mỗi dự án, hướng xử lý ra sao?	Qua trình duyệt và ký kết Phụ lục hợp đồng BOT dự án QL.14 đoạn cầu 38 đến Đồng Xoài, Bộ GTVT cùng Công ty CP Đức Thành Gia Lai cũng đã có Phương án tài chính trong đó xác định mức độ ảnh hưởng của Dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương khi đầu nói vào Dự án này (Mức độ giảm lưu lượng là 8,96%). - Về nhận định theo phân ảnh liên quan đến việc dự kiến năm 2020 mức độ giảm lưu lượng 70% đến 80% qua trạm BOT QL.14 tại Km957+000 do tác động từ Dự án đường Đồng Phú – Bình Dương là chưa có cơ sở, cần cứ nghiên cứu khoa học và thực tế. Lý do: UBND tỉnh vẫn đang chỉ đạo quyết liệt trong thực hiện dự án BOT đường Đồng Phú – Bình Dương theo đúng mục tiêu của cả hệ thống chính trị đã đặt ra, với những khó khăn lớn nhất mà tiến trình đầu tư gặp phải là ở công tác GPMB của tuyến đường hoàn toàn mới mặc dù các bên liên quan đã tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện, đồng thời Nhà đầu tư cũng đang làm việc với các tổ chức tín dụng để được giải ngân nguồn vốn vay đầu tư dự án đảm bảo theo quy định, với vấn đề đầu nói công trình dự án vào QL.14 đang là một rào cản lớn cho Nhà đầu tư. Do đó, việc dự kiến thời điểm ảnh hưởng đến năm 2020 là hoàn toàn chưa có tính căn cứ. Về mức độ giảm lưu lượng lại là một bài toán mà Sở GTVT cùng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan đã tổ chức nghiên cứu khi lập Dự án đầu tư với kết quả phân tích, khảo sát phỏng vấn, vận dụng số liệu chiến lược của các Viện khoa học, sau đó cùng Nhà đầu tư rà soát, đánh giá lại để có cơ sở lập phương án tài chính, đảm bảo tính khả thi của Dự án đầu tư; đồng thời Bộ GTVT cùng Công ty CP Đức Thành Gia Lai cũng đã có đánh giá mức độ này là vào khoảng 8,96%; để thực tế hơn, Bộ GTVT vẫn đang yêu cầu Công ty CP Đức Thành Gia Lai nghiên cứu, xác định các chỉ tiêu, thông số tài chính và mức độ ảnh hưởng của các Công trình giao kết liên quan,		

sớm lập điều chỉnh phương án tài chính dự án như đã chỉ đạo tại Công văn số 888/BGTVT-ĐTCT ngày 24/01/2018 và các quy định của Hợp đồng BOT. Do đó việc sử dụng mức giảm 70-80% lưu lượng qua trạm BOT QL.14 đoạn Km957+000 cần được xem xét thận trọng khi nhận định vấn đề.

Về các phương án giải quyết đặt ra hoàn toàn là các giả thiết, tình huống trình bày, báo cáo đề xuất đề được cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo nghiên cứu sâu làm cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định, đảm bảo lợi ích của nhân dân, của nhà nước và của cả các Nhà đầu tư BOT. Trong đó, các phương án đều xây dựng trên cơ sở đảm bảo cho đối tượng sử dụng dịch vụ đường bộ có quyền lựa chọn tuyến đường vận tải mà mức giá dịch vụ phù hợp với sản phẩm đường bộ cung cấp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về khoảng cách đặt trạm của 02 dự án hoàn toàn độc lập, dự án đường Đồng Phú – Bình Dương là công trình hoàn toàn mới, cũng không phải là tuyến độc đạo, do đó việc chấp nhận lưu thông trên tuyến đường Đồng Phú – Bình Dương hoàn toàn phù thuộc vào quyền lựa chọn của đối tượng sử dụng dịch vụ đường bộ; đồng thời với kế hoạch, tiến trình tổ chức thực hiện việc thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm BOT theo Quyết định số 07/2017/QĐ-TTg ngày 27/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ sẽ đảm bảo tăng tính thuận tiện trong lưu thông dòng phương tiện, góp đảm bảo an ninh – trật tự, giảm thiểu chi phí quản lý, công khai minh bạch giữ vững niềm tin của nhân dân và nâng cao đời sống của nhân dân, đặc biệt là nhân dân trong vùng dự án. **Quan trọng nhất là cần nhận được sự chủ động, cầu thị của Công ty CP Đức Thành Gia Lai trong vấn đề phối hợp, nghiên cứu tìm ra hướng giải quyết để thống nhất tiến trình thực hiện, hoàn thành mục tiêu đầu tư xây dựng mạng lưới giao thông của cả Hệ thống chính trị.**

